

CÂU HỎI ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM MÔN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Câu 1. Sự xuất hiện của nhà nước cổ đại nào sau đây có nguyên nhân là do mâu thuẫn giai cấp gay gắt đến mức không thể điều hòa được:

- A. Nhà nước Giéc – manh.
- B. Nhà nước Rôma.**
- C. Nhà nước Aten.
- D. Các Nhà nước phương Đông.

Câu 2. Theo học thuyết Mác – Lênin, nhận định nào sau đây là đúng:

- A. Tính chất giai cấp của nhà nước không đổi nhưng bản chất của nhà nước thì thay đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.
- B. Tính chất giai cấp và bản chất của nhà nước không thay đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.**
- C. Tính chất giai cấp và bản chất của nhà nước luôn luôn thay đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.
- D. Tính chất giai cấp của nhà nước luôn luôn thay đổi, còn bản chất của nhà nước là không đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.

Câu 3. Thành phố nào sau đây không phải là thành phố trực thuộc trung ương:

- A. Thành phố Huế**
- B. Thành phố Cần Thơ
- C. Thành phố Đà Nẵng
- D. Thành phố Hải Phòng

Câu 4. Câu nào sau đây đúng với quy định được ghi trong Điều 15 Hiến pháp Việt Nam 1992, đã được sửa đổi, bổ sung:

- A. “...Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN...”.**
- B. “...Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN...”.
- C. “...Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh theo định hướng XHCN...”.
- D. “...Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường kết hợp với kế hoạch phát triển kinh tế của nhà nước theo định hướng XHCN...”.

Câu 5. Sự tồn tại của nhà nước:

- A. Là kết quả tất yếu của xã hội loài người, ở đâu có xã hội ở đó tồn tại nhà nước
- B. Là kết quả tất yếu của xã hội có giai cấp**

C. Là do ý chí của các thành viên trong xã hội với mong muốn thành lập nên nhà nước để bảo vệ lợi ích chung.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 6. Số lượng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hiện nay của nước CHXHCN Việt Nam là:

A. 62

B. 63

C. 64

D. 65

Câu 7. Quyền lực và hệ thống tổ chức quyền lực trong xã hội CXNT:

A. Hòa nhập vào xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên trong xã hội.

B. Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích cho Hội đồng thị tộc, tù trưởng, các thủ lĩnh tôn giáo.

C. Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên trong xã hội.

D. Hòa nhập vào xã hội và phục vụ cho lợi ích của Hội đồng thị tộc, tù trưởng, các thủ lĩnh tôn giáo.

Câu 8. Ngoài tính chất giai cấp, kiểu nhà nước nào sau đây còn có vai trò xã hội:

A. Nhà nước XHCN

B. Nhà nước XHCN; Nhà nước tư sản

C. Nhà nước XHCN; Nhà nước tư sản; Nhà nước phong kiến

D. Nhà nước XHCN; Nhà nước tư sản; Nhà nước phong kiến; Nhà nước chủ nô

Câu 9. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, Thủ tướng Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam:

A. Do nhân dân bầu

B. Do Quốc hội bầu theo sự giới thiệu của Chủ tịch nước

C. Do Chủ tịch nước giới thiệu

D. Do Chính phủ bầu

Câu 10. Theo Điều lệ ĐCS Việt Nam, nếu không có đại hội bất thường, thì mấy năm ĐCS Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc một lần:

A. 3 năm

B. 4 năm

C. 5 năm

D. 6 năm

Câu 11. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc nhà nước liên bang:

A. Việt Nam

B. Pháp

C. Ấn Độ

D. Cả B và C

Câu 12. Nhà nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước đơn nhất:

A. Mêxicô

B. Thụy Sĩ

C. Séc

D. Cả A, B và C

Câu 13. Nhà nước CHXHCN Việt Nam có hình thức cấu trúc là:

A. Nhà nước đơn nhất

B. Nhà nước liên bang

C. Nhà nước liên minh

D. Cả A và C đều đúng

Câu 14. Nhà nước nào sau đây có hình thức chính thể cộng hòa tổng thống:

A. Đức

B. Ấn Độ

C. Nga

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 15. Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa:

A. Ucraina

B. Maroc

C. Nam Phi

D. Cả A và C

Câu 16: Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa đại nghị:

A. Đức

B. Bồ Đào Nha (*Dan chu nghi vien*)

C. Hoa Kỳ (*CH Tong thong*)

D. Cả A và B

Câu 17. Nhà nước quân chủ hạn chế (quân chủ lập hiến) là nhà nước:

A. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một cơ quan tập thể và được hình thành theo phương thức thừa kế.

B. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một cơ quan tập thể do bầu cử mà ra.

C. Quyền lực nhà nước được phân chia cho người đứng đầu nhà nước theo phương thức thừa kế và một CQNN khác.

D. Quyền lực nhà nước thuộc về một tập thể gồm những người quý tộc và được hình thành do thừa kế.

Câu 18. Trong nhà nước quân chủ chuyên chế:

A. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một cơ quan tập thể và do bầu cử mà ra.

B. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một người và được hình thành do bầu cử.

C. Quyền lực nhà nước thuộc về một người và được hình thành theo phương thức thừa kế.

D. Quyền lực nhà nước thuộc về một tập thể, được hình thành theo phương thức thừa kế.

Câu 19. Nhà nước quân chủ là nhà nước:

A. Quyền lực nhà nước tối cao tập trung vào người đứng đầu nhà nước và được hình thành do bầu cử.

B. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về người đứng đầu nhà nước hay thuộc về một tập thể, và được hình thành do bầu cử.

C. Quyền lực nhà nước tối cao tập trung toàn bộ hay một phần chủ yếu vào tay người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc thừa kế.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 20. Tên gọi nào không phải là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

A. Bộ thủy lợi

B. Bộ viễn thông

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 21. Tên gọi nào không phải là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

A. Bộ ngoại giao

B. Tài nguyên khoáng sản

C. Bộ y tế và sức khỏe cộng đồng

D. Cả B và C

Câu 22. Quy định pháp luật về bầu cử của Việt Nam, ngoài các điều kiện khác, muốn tham gia ứng cử, phải:

A. Từ đủ 15 tuổi

B. Từ đủ 18 tuổi (gia bau cu)

C. Từ đủ 21 Tuổi

D. Từ đủ 25 tuổi

Câu 23. Kiểu nhà nước nào có sử dụng phương pháp thuyết phục để cai trị và quản lý xã hội:

A. Nhà nước XHCN

B. Nhà nước XHCN và nhà nước tư sản

C. Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản và nhà nước phong kiến

D. Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản, nhà nước phong kiến và nhà nước chủ nô

Câu 24. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong HTPL Việt Nam:

A. Pháp lệnh

B. Luật

C. Hiến pháp

D. Nghị quyết

Câu 25. Trong Tuyên ngôn ĐCS của C.Mác và Ph.Ăngghen viết: “Pháp luật của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật, cái ý chí mà nội dung là do các điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định”.

Đại từ nhân xưng “các ông” trong câu nói trên muốn chỉ ai?:

- A. Các nhà làm luật
- B. Quốc hội, nghị viện
- C. Nhà nước, giai cấp thống trị**
- D. Chính phủ

Câu 26. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, thì:

A. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu toàn dân

B. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu tư nhân

C. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác vừa có quyền sử dụng, vừa có quyền sở hữu đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu tư nhân

D. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác vừa có quyền sử dụng, vừa có quyền sở hữu đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu toàn dân

Câu 27. Theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam 1998, công dân Việt Nam có:

- A. 1 quốc tịch
- B. 2 quốc tịch
- C. 3 quốc tịch
- D. Nhiều quốc tịch

Câu 28. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp:

- A. Chủ tịch nước
- B. Quốc hội
- C. Chính phủ
- D. Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân

Câu 29. Lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua mấy kiểu pháp luật:

- A. 2 kiểu pháp luật
- B. 3 kiểu pháp luật
- C. 4 kiểu pháp luật
- D. 5 kiểu pháp luật

Câu 30. Nếu không có kỳ họp bất thường, theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, mỗi năm Quốc hội Việt Nam triệu tập mấy kỳ họp:

- A. 1 kỳ
- B. 2 kỳ
- C. 3 kỳ
- D. Không có quy định phải triệu tập mấy kỳ họp

Câu 31. Số cơ quan trực thuộc chính phủ của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

- A. 8 cơ quan trực thuộc chính phủ
- B. 9 cơ quan trực thuộc chính phủ
- C. 10 cơ quan trực thuộc chính phủ

D. 11 cơ quan trực thuộc chính phủ

Câu 32. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, có mấy cấp xét xử:

A. 2 cấp

B. 3 cấp

C. 4 cấp

D. 5 cấp

Câu 33. Cơ quan nào là cơ quan ngang bộ của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

A. Thanh tra chính phủ

B. Bảo hiểm xã hội Việt Nam

C. Ngân hàng nhà nước

D. Cả A và C

Câu 34. Nhiệm vụ của nhà nước là:

A. Phương diện, phương hướng, mặt hoạt động cơ bản của nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ cơ bản của nhà nước.

B. Những vấn đề đặt ra mà nhà nước phải giải quyết, những mục tiêu mà nhà nước phải hướng tới.

C. Cả A và B.

D. Cả A và B đều sai

Câu 35. Hội đồng nhân dân là:

A. Cơ quan lập pháp
quan tư pháp

B. Cơ quan hành pháp

C. Cơ

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 36. Cơ quan nào sau đây có chức năng quản lý hành chính:

A. Quốc hội

B. Chính phủ

C. UBND các cấp

D. Cả B và C đều đúng

Câu 37. Nhiệm vụ của nhà nước:

a) Xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

b) Xóa đói giảm nghèo

c) Điện khí hóa toàn quốc

d) Cả A, B và C đều đúng

Câu 38. Khẳng định nào là đúng:

A. Mọi thị xã là nơi đặt trung tâm hành chính của tỉnh

C. Cả A và B đều đúng

B. Mọi thị trấn là nơi đặt trung tâm hành chính của huyện

D. Cả A và B đều sai

Câu 39. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, Chủ tịch nước Nước CHXHCN Việt Nam:

A. Do nhân dân bầu ra

B. Do Quốc hội bầu ra

C. Do nhân dân bầu và Quốc hội phê chuẩn

D. Được kế vị

Câu 40. Nếu không có kỳ họp bất thường, theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, mỗi năm Quốc hội Việt Nam triệu tập mấy kỳ họp:

A. 1 kỳ

B. 2 kỳ

C. 3 kỳ

D. Không có

quy định phải triệu tập mấy kỳ họp

Câu 41. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, cơ quan nào sau đây có quyền lập hiến và lập pháp:

A. Chủ tịch nước

B. Quốc hội

C. Chính phủ

D.

Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân

Câu 42. Đạo luật nào dưới đây quy định một cách cơ bản về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước.

A. Luật tổ chức Quốc hội

B. Luật tổ chức Chính phủ

C. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND

D. Hiến pháp

Câu 43. Người nước ngoài được thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam theo Luật doanh nghiệp, khi:

A. Có vợ là người Việt Nam

B. Có sở hữu nhà tại Việt Nam

C. Có con là người Việt Nam

D. Có thể thường trú tại Việt Nam

Câu 44. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài:

A. Không được thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam

B. Được thành lập doanh nghiệp như người nước ngoài thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam.

C. Được thành lập doanh nghiệp như người Việt Nam

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 45. QPPL là cách xử sự do nhà nước quy định để:

A. Áp dụng trong một hoàn cảnh cụ thể.

C. Cả A và B đều đúng

B. Áp dụng trong nhiều hoàn cảnh.

D. Cả A và B đều sai

Câu 46. Quyền tham gia ký hợp đồng lao động đối với cá nhân:

A. Từ đủ 14 tuổi

B. Từ đủ 15 tuổi

C. Từ

đủ 16 tuổi

D. Từ đủ 18 tuổi

Câu 47. Đặc điểm của các quy phạm xã hội (tập quán, tín điều tôn giáo) thời kỳ CXNT:

A. Thể hiện ý chí chung, phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng, thị tộc, bộ lạc; Mang tính manh mún, tản mạn và chỉ có hiệu lực trong phạm vi thị tộc - bộ lạc.

B. Mang nội dung, tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, tính cộng đồng, bình đẳng, nhưng nhiều quy phạm xã hội có nội dung lạc hậu, thể hiện lối sống hoang dã.

C. Được thực hiện tự nguyện trên cơ sở thói quen, niềm tin tự nhiên, nhiều khi cũng cần sự cưỡng chế, nhưng không do một bộ máy chuyên nghiệp thực hiện mà do toàn thị tộc tự tổ chức thực hiện.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 48. Hiến pháp xuất hiện:

A. Từ nhà nước chủ nô

B. Từ nhà nước phong kiến

C. Từ nhà nước tư sản

D. Từ nhà nước XHCN

Câu 49. Mỗi một điều luật:

A. Có thể có đầy đủ cả ba yếu tố cấu thành QPPL.

B. Có thể chỉ có hai yếu tố cấu thành QPPL

C. Có thể chỉ có một yếu tố cấu thành QPPL

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 50. Khẳng định nào là đúng:

A. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL là nguồn của pháp luật Việt Nam.

B. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL và tập quán pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

C. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL và tiền lệ pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 51. Cơ quan nào có thẩm quyền hạn chế NLHV của công dân:

A. Viện kiểm sát nhân dân

B. Tòa án nhân dân

C. Hội đồng nhân dân; UBND

D. Quốc hội

Câu 52. Trong một nhà nước:

A. NLPL của các chủ thể là giống nhau.

B. NLPL của các chủ thể là khác nhau.

C. NLPL của các chủ thể có thể giống nhau, có thể khác nhau, tùy theo từng trường hợp cụ thể.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 53. Chức năng nào không phải là chức năng của pháp luật:

A. Chức năng điều chỉnh các QHXX
năng xây dựng và bảo vệ tổ quốc

B. Chức

C. Chức năng bảo vệ các QHXX
năng giáo dục

D. Chức

Câu 54. Các thuộc tính của pháp luật là:

A. Tính bắt buộc chung (hay tính quy phạm phổ biến)

C. Cả A và B đều đúng

B. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

D. Cả A và B đều sai

Câu 55. Các thuộc tính của pháp luật là:

A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

C. Cả A và B đều đúng

B. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước

D. Cả A và B đều sai

Câu 56. Việc tòa án thường đưa các vụ án đi xét xử lưu động thể hiện chủ yếu chức năng nào của pháp luật:

A. Chức năng điều chỉnh các QHXX

B. Chức năng bảo vệ các QHXX

C. Chức năng giao dục pháp luật

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 57. Xét về độ tuổi, người có NLHV dân sự chưa đầy đủ, khi:

A. Dưới 18 tuổi

B. Từ đủ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi

C. Từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi

D. Dưới 21 tuổi

Câu 58. Khẳng định nào là đúng:

- A. Muốn trở thành chủ thể QHPL thì trước hết phải là chủ thể pháp luật
- B. Đã là chủ thể QHPL thì là chủ thể pháp luật
- C. Đã là chủ thể QHPL thì có thể là chủ thể pháp luật, có thể không phải là chủ thể pháp luật
- D. Cả A và B

Câu 59. Cơ quan thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp:

- A. Quốc hội
- B. Chính phủ
- C. Tòa án nhân dân
- D. Viện kiểm sát nhân dân

Câu 60. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

- A.** Cơ quan, công chức nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm; Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm
- B.** Cơ quan, công chức nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép; Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm
- C.** Cơ quan, công chức nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm; Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép.
- D.** Cơ quan, công chức nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép; Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép.

Câu 61. Cơ quan nào có quyền xét xử tội phạm và tuyên bản án hình sự:

- A. Tòa kinh tế
- B. Tòa hành chính
- C. Tòa dân sự
- D. Tòa hình sự

Câu 62. Hình thức ADPL nào cần phải có sự tham gia của nhà nước:

- A. Tuân thủ pháp luật
- B. Thi hành pháp luật
- C. Sử dụng pháp luật
- D. ADPL

Câu 63. Hoạt động áp dụng tương tự quy phạm là:

- A.** Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó.
- B.** Khi có cả QPPL áp dụng cho trường hợp đó và cả QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.
- C.** Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó và không có QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.
- D.** Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó nhưng có QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

Câu 64. Nguyên tắc pháp chế trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà

nước xuất hiện từ khi nào:

A. Từ khi xuất hiện nhà nước chủ nô

B. Từ khi xuất hiện nhà nước phong kiến

C. Từ khi xuất hiện nhà nước tư sản

D. Từ khi xuất hiện nhà nước XHCN

Câu 65. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 271, Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, nếu tội phạm có khung hình phạt từ 15 năm trở xuống thì thuộc thẩm quyền xét xử của:

A. Tòa án nhân dân huyện

B. Tòa án nhân dân tỉnh

C. Tòa án nhân dân tối cao

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 66. Điều kiện để làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt một QHPL:

A. Khi có QPPL điều chỉnh QHXXH tương ứng

B. C. Khi xảy ra SKPL

C. Khi xuất hiện chủ thể pháp luật trong trường hợp cụ thể

D. Cả A, B và C

Câu 67. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Luật, nghị quyết

B. Luật, pháp lệnh

C. Pháp lệnh, nghị quyết

D. Pháp lệnh, nghị quyết, nghị định

Câu 68. Trong HTPL Việt Nam, để được coi là một ngành luật độc lập khi:

A. Ngành luật đó phải có đối tượng điều chỉnh

B. Ngành luật đó phải có phương pháp điều chỉnh

C. Ngành luật đó phải có đầy đủ các VBQPPL

D. Cả A và B

Câu 69. UBND và chủ tịch UBND các cấp có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Nghị định, quyết định

B. Quyết định, chỉ thị

C. Quyết định, chỉ thị, thông tư

D. Nghị định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị

Câu 70. Theo quy định của Hiến pháp 1992, người có quyền công bố Hiến pháp và luật là:

- A. Chủ tịch Quốc hội
- B. Chủ tịch nước
- C. Tổng bí thư
- D. Thủ tướng chính phủ

Câu 71. Có thể thay đổi HTPL bằng cách:

- A. Ban hành mới VBPL
- B. Sửa đổi, bổ sung các VBPL hiện hành
- C. Đình chỉ, bãi bỏ các VBPL hiện hành
- D. Cả A, B và C.

Câu 72. Hội đồng nhân dân các cấp có quyền ban hành loại VBPL nào:

- A. Nghị quyết
- B. Nghị định
- C. Nghị quyết, nghị định
- D. Nghị quyết, nghị định, quyết định

Câu 73. Đối với các hình thức (biện pháp) trách nhiệm dân sự:

- A. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự có thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc cho tổ chức.
- B. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức
- C. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự có thể chuyển hoặc không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức, tùy từng trường hợp
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 74. Khẳng định nào là đúng:

- A. Mọi hành vi trái pháp luật hình sự được coi là tội phạm
- D. Cả B và C
- B. Mọi tội phạm đều đã có thực hiện hành vi trái pháp luật hình sự
- C. Trái pháp luật hình sự có thể bị coi là tội phạm, có thể không bị coi là tội phạm

Câu 75. Tuân thủ pháp luật là:

A. Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.

B. Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực. **D.** Cả A và B

C. Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

Câu 76. Hình thức trách nhiệm nghiêm khắc nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam:

A. Trách nhiệm hành chính

B. Trách nhiệm hình sự

C. Trách nhiệm dân sự

D. Trách nhiệm kỷ luật

Câu 77. Thi hành pháp luật là:

A. Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.

B. Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực

C. A và B đều đúng

D. Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

Câu 78. Bản án đã có hiệu lực pháp luật được viện kiểm sát, tòa án có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi:

A. Người bị kết án, người bị hại, các đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với phán quyết của tòa án. **B.** Phát hiện ra tình tiết mới, quan trọng của vụ án.

C. Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm nghiêm trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 79. Nguyên tắc “không áp dụng hiệu lực hồi tố” của VBPL được hiểu là:

A. VBPL chỉ áp dụng trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

B. VBPL chỉ áp dụng trong một khoảng thời gian nhất định.

C. VBPL không áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.

D. Cả A, B và C.

Câu 80. Trong các loại VBPL, văn bản chủ đạo:

A. Luôn luôn chứa đựng các QPPL

B. Mang tính cá biệt – cụ thể

C. Nêu lên các chủ trương, đường lối, chính sách

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 81. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật đất đai

B. Ngành luật lao động

C. Ngành luật quốc tế

D. Ngành luật đầu tư

Câu 82. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật hành chính

C. Ngành luật quốc tế

D. Ngành luật cạnh tranh

Câu 83. Chế định “Văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật hành chính

B. Ngành luật dân sự

C. Ngành luật quốc tế

D. Ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp)

Câu 84. Chế định “Giao dịch dân sự” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật tài chính

C. Ngành luật đất đai

D. Ngành luật dân sự

Câu 85. Chế định “Khởi tố bị can và hỏi cung bị can” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật dân sự

B. Ngành luật tố tụng dân sự

C. Ngành luật tố tụng hình sự

D. Ngành luật hành chính

Câu 86. Chế định “Điều tra” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật tố tụng hình sự

B. Ngành luật tố tụng dân sự

C. Ngành luật hình sự

D. Ngành luật dân sự

Câu 87. Chế định “Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và việc thay đổi người tiến hành tố tụng” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật hình sự

B. Ngành luật tố tụng hình sự

C. Ngành luật dân sự

D. Ngành luật kinh tế

Câu 88. Chế định “Xét xử phúc thẩm” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật hôn nhân và gia đình

B. Ngành luật tài chính

C. Ngành luật nhà nước

D. Ngành luật tố tụng dân sự

Câu 89. Theo quy định của Luật tổ chức Quốc hội Việt Nam năm 2001:

A. Quốc hội Việt Nam hoạt động theo hình thức chuyên trách.

B. Quốc hội Việt Nam hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm.

C. Quốc hội Việt Nam hoạt động theo hình thức vừa có các đại biểu kiêm nhiệm, vừa có các đại biểu chuyên trách.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 90. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992:

A. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho quyền lợi của nhân dân Thủ đô Hà Nội.

B. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho quyền lợi của nhân dân cả nước.

C. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho quyền lợi của nhân dân địa phương nơi đại biểu được bầu ra.

D. Cả A và C

Câu 91. Sử dụng pháp luật:

A. Không được làm những điều mà pháp luật cấm bằng hành vi thụ động

B. Phải làm những điều mà pháp luật bắt buộc bằng hành vi tích cực

C. Có quyền thực hiện hay không thực hiện những điều mà pháp luật cho phép

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 92. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. SKPL là sự cụ thể hoá phân giả định của QPPL trong thực tiễn.

B. SKPL là sự cụ thể hoá phân giả định và quy định của QPPL trong thực tiễn.

C. SKPL là sự cụ thể hoá phân giả định, quy định và chế tài của QPPL trong thực tiễn.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 93. Toà án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm:

A. Toà án nhân dân cấp huyện xét xử theo thẩm quyền do luật định

B. Toà án nhân dân cấp tỉnh xét xử theo thẩm quyền do luật định

C. Các toà chuyên trách thuộc toà án nhân dân tối cao xét xử theo thẩm quyền do luật định.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 94. Các đặc điểm, thuộc tính của chế định pháp luật:

A. Là hệ thống nhỏ trong ngành luật hoặc phân ngành luật

B. Là một nhóm những các QPPL có quan hệ chặt chẽ với nhau điều chỉnh một nhóm các QHXXH cùng loại – những QHXXH có cùng nội dung, tính chất có quan hệ mật thiết với nhau.

C. Cả A và B đều đúng

D. **D.** Cả A và B đều sai

Câu 95. Sự thay đổi hệ thống QPPL có thể được thực hiện bằng cách:

A. Ban hành mới; Sửa đổi, bổ sung

B. Đình chỉ; Bãi bỏ

C. Thay đổi phạm vi hiệu lực

D. Cả A, B và C

Câu 96. Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, khái niệm “cộng sản” dùng để chỉ:

A. Một hình thức nhà nước

B. Một chế độ xã hội

C. Cả hình thức nhà nước và chế độ xã hội

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 97. Cơ sở kinh tế của nhà nước chủ nô là:

A. Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất và nô lệ.

B. Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất mà chủ yếu là ruộng đất.

C. Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và bóc lột giá trị thặng dư.

D. Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Câu 98. Cơ sở xã hội, cơ cấu giai cấp của nhà nước tư sản, bao gồm:

- A. Hai giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, ngoài ra còn có tầng lớp thợ thủ công và những người lao động tự do khác.
- B. Kết cấu giai cấp phức tạp, địa chủ và nông dân là hai giai cấp chính, ngoài ra còn có thợ thủ công, thương nhân
- C. Hai giai cấp chính là tư sản và vô sản, ngoài ra còn có giai cấp nông dân, tầng lớp tiểu tư sản, trí thức...
- D. Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo nhà nước và xã hội, quyền lực nhà nước thuộc về giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Câu 99. Thẩm quyền cho phép gia nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch, tước quốc tịch Việt Nam:

A. Chủ tịch nước

B. Thủ tướng Chính phủ

C. Chủ tịch Quốc hội

D. Chánh án Toà án nhân dân tối cao

Câu 100. Cơ quan nào sau đây thực hiện quyền lập hiến và lập pháp:

A. Cơ quan lập pháp

B. Quốc hội

C. Nghị viện

D. Cả A, B và C

Câu 101. Tên gọi chung của cơ quan có chức năng buộc tội hay truy tố ai đó ra trước pháp luật:

A. Viện kiểm sát

B. Viện công tố

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 102. Quyết định ADPL:

A. Nội dung phải đúng thẩm quyền cơ quan và người ký (ban hành) phải là người có thẩm quyền ký.

B. Phải phù hợp với văn bản của cấp trên.

C. Phải phù hợp với lợi ích của nhà nước và lợi ích hợp pháp của công dân.

D. Cả A, B và C

Câu 103. Nguyên nhân của vi phạm pháp luật:

A. Mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất

B. Tàn dư, tập tục đã lỗi thời của xã hội cũ còn rơi rớt lại

C. Trình độ dân trí và ý thức pháp luật thấp của nhiều tầng lớp dân cư

D. Cả A, B và C

Câu 104. Đây là hình thức xử phạt bổ sung trong các hình thức xử phạt hành chính:

A. Cảnh cáo và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

B. Cảnh cáo và tước quyền sử dụng giấy phép

C. Phạt tiền và tước quyền sử dụng giấy phép

D. Tước quyền sử dụng giấy phép và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

Câu 105. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Hình thức bên ngoài của pháp luật là nguồn của pháp luật

D. Cả A, B và C đều sai

B. Hình thức bên trong của pháp luật là nguồn của pháp luật

C. Cả hình thức bên trong và hình thức bên ngoài của pháp luật đều là nguồn của pháp luật

Câu 106. Nhận định nào sau đây là không đúng:

A. Sự xuất hiện của Nhà nước Giéc – manh, Nhà nước Roma, Nhà nước phương Đông cổ đại là do mâu thuẫn giữa các giai cấp gay gắt đến mức không thể điều hòa được.

B. Mâu thuẫn giai cấp không phải là nguyên nhân trực tiếp làm xuất hiện Nhà nước Giéc – manh, Nhà nước Rôma, các Nhà nước phương Đông cổ đại.

C. Sự xuất hiện của Nhà nước Aten cổ đại là do mâu thuẫn giữa các giai cấp gay gắt đến mức không thể điều hòa được.

D. Sự xuất hiện của các nhà nước cổ đại đều xuất phát từ nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp là mâu thuẫn giữa các giai cấp.

Câu 107. Nhà nước CHXHCN Việt Nam có:

A. Dân tộc Kinh và 54 dân tộc thiểu số

B. 53 dân tộc

C. 54 dân tộc

D. 55 dân tộc

Câu 108. Bộ máy hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam được chia thành mấy cấp:

A. 2 cấp: cấp TW; cấp địa phương. **C.** 4 cấp: cấp TW; cấp tỉnh; cấp huyện; cấp xã.

B. 3 cấp: cấp tỉnh; cấp huyện và cấp xã.
cấp tỉnh; cấp huyện; cấp xã; cấp thôn.

D. 5 cấp: cấp TW;

Câu 109. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, thì đâu là cấp chính quyền cơ sở:

A. Chính quyền địa phương quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

B. Cấp huyện,

C. Cấp xã, phường, thị trấn. làng, thôn, phum, sóc, bản, mường, ấp.

D. Buôn,

Câu 110. Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay có:

A. 4 thành phố trực thuộc trung ương

B. 5 thành phố trực thuộc trung ương

C. 6 thành phố trực thuộc trung ương

D. 7 thành phố trực thuộc trung ương

Câu 111. Số lượng các tỉnh hiện nay của Nhà nước CHXHCN Việt Nam là:

A. 55

B. 56

C. 57

D. 58

Câu 112. Quyền lực và tổ chức thực hiện quyền lực trong xã hội CXNT:

A. Tách khỏi xã hội, đứng trên xã hội để cai trị và quản lý xã hội.

B. Cả B và C đều đúng

C. Hòa nhập vào xã hội, thuộc về tất cả các thành viên trong xã hội.

D. Thực hiện sự cưỡng chế đối với những thành viên không tuân thủ những quy tắc của cộng đồng.

Câu 113. Nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng xã hội thuộc:

A. Cơ sở hạ tầng

B. Kiến trúc thượng tầng

C. Quan hệ sản xuất

D. Lực lượng sản xuất

Câu 114. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, Chủ tịch Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam:

A. Do nhân dân bầu ra

B. Do Quốc hội bầu ra

C. Do Chủ tịch nước chỉ định

D. Do ĐCS bầu ra

Câu 115. Nguyên tắc: “ĐCS Việt Nam lãnh đạo nhà nước và xã hội” được quy trong bản hiến pháp nào của nước CHXHCN Việt Nam:

A. Hiến pháp 1992
Hiến pháp 1959 và Hiến pháp 1946

D. Hiến pháp 1992, Hiến pháp 1980,

B. Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 1980
pháp 1992, Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1959

C. Hiến

Câu 116. Trong lịch sử, các kiểu nhà nước nào không có hình thức cấu trúc nhà nước liên bang:

- A.** Nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản.
- B.** Nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến.
- C.** Nhà nước phong kiến, nhà nước XHCN.
- D.** Nhà nước tư sản, Nhà nước XHCN

Câu 117. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước đơn nhất:

- A.** Nga Quốc
- B.** Ấn Độ
- C.** Trung Quốc
- D.** Cả A, B và C

Câu 118. Nhà nước Đức có hình thức cấu trúc:

- A.** Nhà nước liên bang
- B.** Nhà nước đơn nhất
- C.** Nhà nước liên minh
- D.** Cả A, B và C đều sai

Câu 119. Nhà nước nào sau đây có hình thức chính thể cộng hòa tổng thống:

- A.** Italia
- B.** Philippin
- C.** Xingapo
- D.** Bồ Đào Nha

Câu 120. Nước nào sau đây có chính thể cộng hòa:

- A.** Pháp
- B.** Anh
- C.** Tây Ban Nha
- D.** Hà Lan

Câu 121. Nhà nước phong kiến Việt Nam giai đoạn 1802 – 1945 (Triều đình Nhà Nguyễn) là nhà nước có hình thức chính thể:

- A.** Nhà nước cộng hòa
- B.** Nhà nước quân chủ hạn chế
- C.** Nhà nước quân chủ tuyệt đối
- D.** Nhà nước cộng hòa quý tộc

Câu 122. Nhà nước cộng hòa là nhà nước:

- A.** Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một tập thể và được hình thành theo phương thức thừa kế.
- B.** Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về người đứng đầu nhà nước và được hình thành do bầu cử.
- C.** Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một cơ quan tập thể được bầu ra trong thời hạn nhất định.

D. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một người do truyền ngôi và một cơ quan tập thể được hình thành do bầu cử trong một thời hạn nhất định.

Câu 123. Tên gọi nào không phải là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

- A. Bộ pháp luật
- B. Bộ nông nghiệp
- C. Bộ tài nguyên
- D. Cả A, B và C

Câu 124. Tên gọi nào là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

- A. Bộ thương binh và xã hội
- B. Bộ thanh, thiếu niên và nhi đồng
- C. Bộ văn hóa, thể thao và du lịch
- D. Bộ hợp tác quốc tế

Câu 125. Cùng với sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của nhà nước, chức năng và nhiệm vụ của nhà nước:

- A. Không bao giờ thay đổi, không bao giờ mất đi cũng không bao giờ phát triển thêm trong một kiểu nhà nước nhất định.
- B. Không bao giờ thay đổi, không bao giờ mất đi cũng không bao giờ phát triển thêm qua các kiểu nhà nước khác nhau.
- C. Luôn luôn có sự thay đổi, phát triển qua các kiểu nhà nước khác nhau.
- D. Chỉ có sự thay đổi, phát triển trong một kiểu nhà nước nhất định.

Câu 126. Phương pháp cai trị phản dân chủ trong chế độ chính trị tồn tại trong:

- A. Kiểu nhà nước chủ nô
- B. Kiểu nhà nước phong kiến
- C. Kiểu nhà nước tư sản
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 127. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong số các loại văn bản sau của HTPL Việt Nam:

- A. Quyết định
- B. Nghị định
- C. Thông tư
- D. Chỉ thị

Câu 128. Bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay có bao nhiêu bộ:

- A. 16 Bộ
- B. 17 Bộ
- C. 18 Bộ
- D. 19 Bộ

Câu 129. Khẳng định nào là đúng:

A. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBPL.

D. Cả A, B và C đều sai

B. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBPL; tập quán pháp.

C. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBPL; tập quán pháp; và tiền lệ pháp.

Câu 130. Điều 57 Hiến pháp Việt Nam 1992 quy định: “Công dân Việt Nam có quyền kinh doanh theo quy định của pháp luật”, nghĩa là:

A. Mọi công dân Việt Nam đều có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật.

B. Mọi công dân Việt Nam được quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật, trừ cán bộ, công chức.

C. Cả A và B đều sai

D. Mọi công dân Việt Nam được quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật, trừ đảng viên.

Câu 131. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, cơ quan nào sau đây có quyền lập hiến và lập pháp:

A. Chủ tịch nước

B. Quốc hội

C. Chính phủ

D.

Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân

Câu 132. Nhận định nào đúng:

A. Kiểu pháp luật sau bao giờ cũng kế thừa kiểu pháp luật trước **D.** Cả A và B đều đúng

B. Kiểu pháp luật sau bao giờ cũng tiến bộ hơn kiểu pháp luật trước

C. Kiểu pháp luật sau chỉ tiến bộ hơn kiểu pháp luật trước nhưng không kế thừa kiểu pháp luật trước

Câu 133. Người lao động có quyền:

A. Tự do lựa chọn việc làm và nơi làm việc

B. Lựa chọn nghề và nơi học nghề phù hợp

C. Làm việc cho nhiều chủ sử dụng lao động nhưng phải đảm bảo các điều kiện đã cam kết, thỏa thuận

D. Cả A, B và C

Câu 134. Theo pháp luật lao động Việt Nam, quy định chung về độ tuổi lao động là:

A. Từ đủ 9 tuổi

B. Từ đủ 15 tuổi

C. Từ đủ 18 tuổi

D. Từ đủ 21 tuổi

Câu 135. Theo quy định chung của pháp luật lao động Việt Nam, xét về độ tuổi:

A. Người sử dụng lao động và người lao động phải từ đủ 15 tuổi.

- B. Người sử dụng lao động và người lao động phải từ đủ 18 tuổi
- C. Người sử dụng lao động và người lao động phải từ đủ 21 tuổi
- D. Người sử dụng lao động phải từ đủ 18 tuổi còn người lao động phải từ đủ 15 tuổi

Câu 136. Khẳng định nào đúng:

- A.** Bản chất của nhà nước sẽ quyết định chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.
- B. Nhiệm vụ cơ bản của nhà nước là cơ sở để xác định số lượng, nội dung, hình thức thực hiện các chức năng của nhà nước.
- C. Chức năng nhà nước là phương tiện thực hiện nhiệm vụ cơ bản của nhà nước.
- D.** Cả A, B và C

Câu 137. Ban chấp hành trung ương ĐCS Việt Nam hiện tại là Ban chấp hành khóa mấy:

- A. Khóa 10
- B. Khóa 11
- C. Khóa 12
- D. Khóa 13

Câu 138. Cơ quan nào là cơ quan ngang bộ của bộ máy hành chính Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

- A.** Ủy ban thể dục, thể thao
- B.** Ủy ban dân số gia đình và trẻ em
- C. Văn phòng chính phủ
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 139. Cơ quan nào là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước CHXNCN Việt Nam:

- A. Chủ tịch nước
- B. Chính phủ
- C. Quốc hội
- D. Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

Câu 140. Cùng với sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của nhà nước, chức năng và nhiệm vụ của nhà nước:

- A.** Không bao giờ thay đổi, không bao giờ mất đi cũng không bao giờ phát triển thêm trong một kiểu nhà nước nhất định.
- B.** Không bao giờ thay đổi, không bao giờ mất đi cũng không bao giờ phát triển thêm qua các kiểu nhà nước khác nhau.
- C.** Luôn luôn có sự thay đổi, phát triển qua các kiểu nhà nước khác nhau.
- D.** Chỉ có sự thay đổi, phát triển trong một kiểu nhà nước nhất định.

Câu 141. Các thuộc tính của pháp luật là:

- A.** Tính bắt buộc chung (hay tính quy phạm phổ biến)

B. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

C. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 142. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Chỉ có Nhà nước mới có quyền ban hành pháp luật để quản lý xã hội.

B. Không chỉ nhà nước mà cả TCXH cũng có quyền ban hành pháp luật.

C. TCXH chỉ có quyền ban hành pháp luật khi được nhà nước trao quyền.

D. Cả A và C

Câu 143. Các phương thức ra đời của nhà nước tư sản:

A. Bằng cách mạng tư sản.

B. Bằng cách mạng tư sản; bằng thỏa hiệp với giai cấp phong kiến.

C. Bằng cách mạng tư sản; bằng thỏa hiệp với giai cấp phong kiến; bằng sự hình thành các nhà nước tư sản vốn là thuộc địa của các nước châu Âu.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 144. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992:

A. Tòa án nhân dân bảo đảm cho công dân thuộc các dân tộc quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trước Tòa án.

B. Công dân thuộc các dân tộc thiểu số phải sử dụng tiếng nói và chữ viết là tiếng Việt trước Tòa án.

C. Công dân thuộc các dân tộc khác nhau có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình hoặc tiếng Việt trước Tòa án.

D. Cả A và C
đều đúng

Câu 145. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng xã hội:

A. Cùng phát sinh, phát triển, cùng tồn tại và tiêu vong.

B. Luôn luôn phát sinh, phát triển và tồn tại cùng với xã hội loài người

C. Nhà nước có thể bị tiêu vong còn pháp luật thì tồn tại mãi mãi

D. Pháp luật có thể bị mất đi còn nhà nước thì cùng tồn tại với xã hội loài người

Câu 146. Một doanh nghiệp cụ thể được kinh doanh:

A. Tất cả những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

B. Tất cả những ngành nghề pháp luật cho phép trong danh mục ngành, nghề kinh tế quốc dân.

C. Tất cả những ngành nghề đã đăng ký kinh doanh với nhà nước.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 147. Hiệu lực về không gian của VBQPPL Việt Nam được hiểu là:

A. Khoảng không gian trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam trừ đi phần lãnh thổ của đại sứ quán nước ngoài và phần không gian trên tàu bè nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

B. Khoảng không gian trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và phần lãnh thổ trong sứ quán Việt Nam tại nước ngoài, phần không gian trên tàu bè mang quốc tịch Việt Nam đang hoạt động ở nước ngoài.

C. Khoảng không gian trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và phần lãnh thổ trong sứ quán Việt Nam tại nước ngoài, phần không gian trên tàu bè mang quốc tịch Việt Nam đang hoạt động ở nước ngoài, nhưng trừ đi phần lãnh thổ của đại sứ quán nước ngoài, phần không gian trên tàu bè nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 148. QPPL là cách xử sự do nhà nước quy định để:

A. Áp dụng cho một lần duy nhất và hết hiệu lực sau lần áp dụng đó.

B. Áp dụng cho một lần duy nhất và vẫn còn hiệu lực sau lần áp dụng đó.

C. Áp dụng cho nhiều lần và vẫn còn hiệu lực sau những lần áp dụng đó.

D. Áp dụng cho nhiều lần và hết hiệu lực sau những lần áp dụng đó.

Câu 149. Khẳng định nào đúng:

A. Bộ máy nhà nước là hệ thống các CQNN từ trung ương đến địa phương.

B. Bộ máy nhà nước là hệ thống các CQNN từ trung ương đến địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 150. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức là thuộc tính (đặc trưng) của:

A. Quy phạm đạo đức

B. Quy phạm tập quán

C. QPPL

D. Quy phạm tôn giáo

Câu 151. Đặc điểm của QPPL khác so với quy phạm xã hội thời kỳ CXNT.

A. Thể hiện ý chí của giai cấp thống trị; Nội dung thể hiện quan hệ bất bình đẳng trong xã hội.

B. Có tính bắt buộc chung, tính hệ thống và thống nhất cao.

C. Được bảo đảm thực hiện bằng nhà nước, chủ yếu bởi sự cưỡng chế.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 152. Chế định “Quyền tự do dân chủ của công dân” và nguyên tắc “Tự do hợp đồng” lần đầu tiên được nhà nước nào tuyên bố:

A. Nhà nước chủ nô

B. Nhà nước phong kiến

C. Nhà nước tư sản

D. Nhà nước XHCN

Câu 153. Tòa án nào có quyền xét xử tội phạm và tuyên bản án hình sự:

A. Tòa hình sự

B. Tòa hình sự, tòa kinh tế

C. Tòa hành chính, tòa hình sự

D. Tòa dân sự, tòa hành chính

Câu 154. Thỏa ước lao động tập thể là văn bản được ký kết giữa:

A. Người lao động và người sử dụng lao động

B. Người sử dụng lao động và đại diện người lao động

C. Người lao động và đại diện người lao động

D. Cả A, B và C

Câu 155. Chức năng của pháp luật:

A. Chức năng lập hiến và lập pháp

B. Chức năng giám sát tối cao

C. Chức năng điều chỉnh các QHXX

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 156. Chủ thể của QHPL là:

A. Bất kỳ cá nhân, tổ chức nào trong một nhà nước.

B. Cá nhân, tổ chức được nhà nước công nhận có khả năng tham gia vào các QHPL.

C. Cá nhân, tổ chức cụ thể có được những quyền và mang những nghĩa vụ pháp lý nhất định được chỉ ra trong các QHPL cụ thể.

D. Cả A, B và

C

Câu 157. Ở các quốc gia khác nhau:

A. NLPL của các chủ thể pháp luật là khác nhau.

D. Cả A, B và C đều sai

B. NLPL của các chủ thể pháp luật là giống nhau.

C. NLPL của các chủ thể pháp luật có thể giống nhau, có thể khác nhau.

Câu 158. Khẳng định nào đúng:

A. QPPL mang tính bắt buộc chung.

B. Các quy phạm xã hội không phải là QPPL cũng mang tính bắt buộc chung.

C. Các quy phạm xã hội không phải là QPPL cũng mang tính bắt buộc nhưng không mang tính bắt buộc chung.

D. Cả A và C

Câu 159. TCXH nào sau đây không được Nhà nước trao quyền ban hành một số VBPL:

A. ĐCS Việt Nam

B. Tổng liên đoàn lao động Việt Nam

C. Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam

D. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Câu 160. NLHV là:

A. Khả năng của chủ thể có được các quyền chủ thể và mang các nghĩa vụ pháp lý mà nhà nước thừa nhận.

B. Khả năng của chủ thể được nhà nước thừa nhận, bằng các hành vi của mình thực hiện các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý, tham gia vào các QHPL.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai

Câu 161. Xét về độ tuổi, người có NLHV dân sự đầy đủ:

A. Từ đủ 16 tuổi

B. Từ đủ 18 tuổi

C. Từ đủ 21 tuổi

D. Từ đủ 25 tuổi

Câu 162. Chế tài của QPPL là:

A. Hình phạt nghiêm khắc của nhà nước đối với người có hành vi vi phạm pháp luật.

B. Những hậu quả pháp lý bất lợi có thể áp dụng đối với người không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của QPPL.

C. Biện pháp cưỡng chế nhà nước áp dụng đối với người vi phạm pháp luật.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 163. Loại nguồn được công nhận trong HTPL Việt Nam:

A. VBPL

B. VBPL và tập quán pháp

C. VBPL, tập quán pháp và tiền lệ pháp

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 164. Người bị mất NLHV dân sự là người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác:

A. Mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

B. Mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố mất NLHV dân sự kể cả khi chưa có kết luận của tổ chức giám định.

C. Mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố mất NLHV dân sự trên cơ sở kết luận của tổ chức giám định.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 165. Khẳng định nào đúng:

A. Hệ thống chính trị (hệ thống chuyên chính giai cấp) là hệ thống các CQNN từ trung ương đến địa phương.

B. Hệ thống chính trị (hệ thống chuyên chính giai cấp) là hệ thống các CQNN từ trung ương đến địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 166. Khẳng định nào là đúng:

A. Hành vi vi phạm pháp luật là hành vi thực hiện pháp luật.

B. Hành vi vi phạm pháp luật không phải là hành vi thực hiện pháp luật.

C. Hành vi vi phạm pháp luật cũng có thể là hành vi thực hiện pháp luật cũng có thể không phải là hành vi thực hiện pháp luật.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 167. Hoạt động ADPL:

A. Là hoạt động mang tính cá biệt - cụ thể và không thể hiện quyền lực nhà nước.

B. Là hoạt động không mang tính cá biệt – cụ thể nhưng thể hiện quyền lực nhà nước.

C. Là hoạt động vừa mang tính cá biệt – cụ thể, vừa thể hiện quyền lực nhà nước.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 168. Hoạt động áp dụng tương tự pháp luật (hay tương tự luật) là:

A. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó.

B. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó nhưng có QPPL áp dụng cho

trường hợp tương tự.

C. Khi có cả QPPL áp dụng cho trường hợp đó và có cả QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

D. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó và không có cả QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

Câu 169. Khẳng định nào là đúng:

A. Cơ quan của TCXH có quyền thực hiện hình thức ADPL.

B. Cơ quan của TCXH không có quyền thực hiện hình thức ADPL.

C. Cơ quan của TCXH chỉ có quyền thực hiện hình thức ADPL khi được nhà nước trao quyền.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 170. Thủ tướng chính phủ có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Nghị định, quyết định

B. Nghị định, quyết định, chỉ thị

C. Quyết định, chỉ thị, thông tư

D. Quyết định, chỉ thị

Câu 171. Đây là VBPL:

A. Văn bản chủ đạo

B. VBQPPL

C. Văn bản ADPL hay văn bản cá biệt – cụ thể

D. Cả A, B và C

Câu 172. Bộ trưởng có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Nghị định, quyết định

B. Nghị định, quyết định, thông tư

C. Nghị định, quyết định, thông tư, chỉ thị

D. Quyết định, thông tư, chỉ thị

Câu 173. Khẳng định nào là đúng:

A. Chủ thể của pháp luật hành chính là các cơ quan, nhân viên nhà nước, công dân và các tổ chức khác

B. Chủ thể của pháp luật hành chính chỉ là các cơ quan, nhân viên nhà nước

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 174. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Chủ thể quản lý nhà nước là các cơ quan, nhân viên nhà nước, công dân và các tổ chức khác
- B. Chủ thể quản lý nhà nước là các cơ quan, nhân viên nhà nước
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 175. Tùy theo mức độ phạm tội, tội phạm hình sự được chia thành các loại:

- A. Tội phạm nghiêm trọng; tội phạm rất nghiêm trọng
- B. Tội phạm ít nghiêm trọng; tội phạm nghiêm trọng; tội phạm rất nghiêm trọng
- C. Tội phạm nghiêm trọng; tội phạm rất nghiêm trọng; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng
- D. Tội phạm ít nghiêm trọng; tội phạm nghiêm trọng; tội phạm rất nghiêm trọng; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

Câu 176. Tuân thủ pháp luật là:

- A. Thực hiện các QPPL cho phép.
- B. Thực hiện các QPPL bắt buộc.
- C. Thực hiện các QPPL cấm đoán.
- D. Cả B và C

Câu 177. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong các văn bản sau của hệ thống VBQPPL Việt Nam:

- A. Bộ Luật
- B. Pháp lệnh
- C. Thông tư
- D. Chỉ thị

Câu 178. Chủ thể có hành vi trái pháp luật, thì:

- A. Phải chịu trách nhiệm pháp lý
- B. Không phải chịu trách nhiệm pháp lý
- C. Có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý hoặc không, tùy theo từng trường hợp cụ thể
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 179. Nguyên tắc “không áp dụng hiệu lực hồi tố” của VBPL được hiểu là:

- A. VBPL chỉ áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.
- B. VBPL không áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.
- C. VBPL áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước và sau thời điểm văn bản

đó có hiệu lực pháp luật.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 180. Để phân biệt ngành luật với các đạo luật, nhận định nào sau đây là đúng:

A. Ngành luật phải có đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh

B. Đạo luật phải có đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 181. Để phân biệt ngành luật với các đạo luật, nhận định nào sau đây là đúng:

A. Đạo luật là văn bản chứa các QPPL, là nguồn của ngành luật

B. Ngành luật là văn bản chứa các QPPL, là nguồn của đạo luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 182. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam

A. Ngành luật hiến pháp (ngành luật nhà nước)

B. Ngành luật dân sự

C. Ngành luật hôn nhân và gia đình

D. Ngành luật hàng hải

Câu 183. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật lao động

B. Ngành luật hôn nhân và gia đình

C. Ngành luật tố tụng dân sự

D. Ngành luật nhà ở

Câu 184. Chế định “Hình phạt” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật lao động

B. Ngành luật hành chính

C. Ngành luật hình sự

D. Ngành luật tố tụng hình sự

Câu 185. Chế định “Tài sản và quyền sở hữu” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật hôn nhân và gia đình

C. Ngành luật lao động

D. Ngành luật dân sự

Câu 186. Chế định “Khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật đất đai

C. Ngành luật hành chính

D. Ngành luật tố tụng hình sự

Câu 187. Chế định “Tạm đình chỉ điều tra và kết thúc điều tra” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật tố tụng hình sự

C. Ngành luật đất đai

D. Ngành luật lao động

Câu 188. Chế định “Người tham gia tố tụng” thuộc ngành luật:

A. Ngành luật hành chính

B. Ngành luật nhà nước (ngành luật nhà nước)

C. Ngành luật tố tụng hình sự

D. Ngành luật quốc tế

Câu 189. Chế định “Thủ tục giám đốc thẩm” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp)

B. Ngành luật tố tụng dân sự

C. Ngành luật đất đai

D. Ngành luật kinh tế

Câu 190. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Khi một người chịu trách nhiệm về một sự việc nghĩa là người đó phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự việc đó.

B. Khi một người phải chịu trách nhiệm về một sự việc thì người đó có thể hoặc không phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự việc đó.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 191. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Chỉ có CQNN hoặc người có thẩm quyền mới thực hiện hình thức ADPL.

B. Cơ quan TCXH không có quyền thực hiện hình thức ADPL.

C. Cơ quan TCXH có quyền thực hiện hình thức ADPL khi nhà nước trao quyền.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 192. Đây là đặc điểm của nhà nước đơn nhất:

A. Có chủ quyền chung, các bộ phận hợp thành các đơn vị hành chính lãnh thổ không có chủ quyền riêng.

B. Có một hệ thống CQNN từ trung ương đến địa phương

C. Có một HTPL thống nhất; Công dân có một quốc tịch

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 193. Về mặt cấu trúc, mỗi một QPPL:

A. Phải có cả ba bộ phận cấu thành: giả định, quy định, chế tài

B. Phải có ít nhất hai bộ phận trong ba bộ phận nêu trên

C. Chỉ cần có một trong ba bộ phận nêu trên

D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 194. Trong quá trình tố tụng:

A. Chỉ có vụ án dân sự mới có giai đoạn khởi tố

B. Chỉ có vụ án hình sự mới có giai đoạn khởi tố

C. Cả vụ án dân sự và cả vụ án hình sự đều phải trải qua giai đoạn khởi tố

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 195. Các đặc điểm, thuộc tính của một ngành luật:

A. Là một tiểu hệ thống lớn nhất của HTPL của một quốc gia

B. Mỗi ngành luật điều chỉnh một lĩnh vực QHXX nhất định có tính đặc thù

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 196. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Các nghị quyết của ĐCS được đưa ra sau sẽ làm mất hiệu lực các nghị quyết của ĐCS được đưa ra trước.

B. VBPL điều chỉnh cùng một lĩnh vực QHXX được ban hành sau sẽ tự động đình chỉ hiệu lực của VBPL ban hành trước đó.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 197. Nhận định nào sau đây là đúng:

A. Chế độ cộng sản chủ nghĩa là kiểu nhà nước cuối cùng trong lịch sử

B. Nhà nước XHCN là kiểu nhà nước cuối cùng trong lịch sử

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 198. Cơ sở kinh tế của nhà nước phong kiến là:

A. Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất và nô lệ.

B. Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất mà chủ yếu là ruộng đất.

C. Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và bóc lột giá trị thặng dư.

D. Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Câu 199. Cơ sở xã hội, cơ cấu giai cấp của nhà nước XHCN, bao gồm:

A. Hai giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, ngoài ra còn có tầng lớp thợ thủ công và những người lao động tự do khác.

B. Kết cấu giai cấp phức tạp, địa chủ và nông dân là hai giai cấp chính, ngoài ra còn có thợ thủ công, thương nhân

C. Hai giai cấp chính là tư sản và vô sản, ngoài ra còn có giai cấp nông dân, tầng lớp tiểu tư sản, trí thức...

D. Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo nhà nước và xã hội, quyền lực nhà nước thuộc về giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Câu 200. Thẩm quyền cho phép gia nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch, tước quốc tịch Việt Nam:

A. Chủ tịch nước

B. Chủ tịch UBND tỉnh

C. Chủ tịch UBND huyện

D. Chủ tịch UBND xã

Câu 201: Cơ quan lập pháp của các nước trên thế giới:

A. Chỉ có cơ cấu một viện

B. Có cơ cấu hai viện

C. Có thể có cơ cấu một viện hoặc hai viện

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 202. Các quyết định ADPL được ban hành:

A. Luôn luôn phải theo một thủ tục chặt chẽ với đầy đủ các bước, các giai đoạn

rõ ràng, cụ thể.

B. Thông thường là phải theo một thủ tục chặt chẽ với đầy đủ các bước, các giai đoạn rõ ràng, cụ thể, nhưng đôi khi cũng được ban hành chớp nhoáng không có đầy đủ các bước để giải quyết công việc khẩn cấp.

C. Một cách chớp nhoáng không có đầy đủ các bước, các giai đoạn và không theo một trình tự nhất định.

D. Cả A, B và C

Câu 203. Quyết định ADPL:

A. Phải được ban hành kịp thời.

B. Phải đúng hình thức pháp lý và đúng mẫu quy định.

C. Nội dung phải cụ thể, lời văn phải rõ ràng, chính xác, ngắn gọn.

D. Cả A, B và C

Câu 204. Nguyên nhân của vi phạm pháp luật:

A. Hoạt động thù địch của các lực lượng phản động

B. Những thiếu sót trong hoạt động quản lý của nhà nước

C. Tồn tại số ít người bầm sinh có xu hướng tự do vô tổ chức

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 205. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. SKPL là sự cụ thể hoá phần giả định của QPPL trong thực tiễn.

B. SKPL là sự cụ thể hoá phần quy định của QPPL trong thực tiễn.

C. SKPL là sự cụ thể hoá phần chế tài của QPPL trong thực tiễn.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 206. Nhóm thành phố nào sau đây có cùng cấp hành chính với nhau:

A. Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Hà Nội, Đà Nẵng

B. Cần Thơ, Hải Phòng, Vũng Tàu, Nha Trang, Đà Nẵng

C. Nha Trang, Vinh, Huế, Đà Lạt, Biên Hòa

D. Nha Trang, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng

Câu 207. Cơ quan nào là CQNN:

A. Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

B. Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

C. Hội cựu chiến binh Việt Nam.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 208. Các đặc trưng, dấu hiệu cơ bản của nhà nước:

A. Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt; có chủ quyền quốc gia; quyền ban hành pháp luật; thực hiện các hoạt động kinh tế.

B. Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt; quản lý dân cư theo lãnh thổ; có chủ quyền quốc gia; quyền ban hành pháp luật; quy định các loại thuế; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

C. Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt; quản lý dân cư theo lãnh thổ; quyền ban hành pháp luật; quy định các loại thuế; có chủ quyền quốc gia.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 209. Nhận định nào sau đây là đúng:

A. Xã hội CXNT là xã hội không cần tới quyền lực, hệ thống tổ chức quyền lực và các quy tắc quản lý.

B. Xã hội CXNT là xã hội không cần tới quyền lực, hệ thống tổ chức quyền lực, nhưng đã có các quy tắc để quản lý xã hội.

C. Xã hội CXNT là xã hội có hệ thống tổ chức và cơ chế thực hiện quyền lực, nhưng chưa cần tới các quy tắc để quản lý xã hội.

D. Xã hội CXNT là xã hội đã có hệ thống tổ chức và cơ chế thực hiện quyền lực cũng như đã có các quy tắc để quản lý xã hội.

Câu 210. Quyền lực và hệ thống tổ chức quyền lực trong xã hội CXNT:

A. Mang tính bắt buộc và không mang tính cưỡng chế

B. Mang tính bắt buộc và mang tính cưỡng chế

C. Không mang tính bắt buộc và không mang tính cưỡng chế

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 211. Nhà nước nào sau đây không phải là nhà nước XHCN:

A. Cuba

B. Trung Quốc

C. Lào

D. Nga

Câu 212. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, người được bầu vào chức danh Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, có nhiệm kỳ:

A. 3 năm

B. 4 năm

C. 5 năm

D. 6 năm

Câu 213. Đặc trưng cơ bản nhất của nhà nước:

A. Một dân tộc

B. Lãnh thổ độc lập

C. Có chủ quyền quốc gia

D. Một HTPL

Câu 214. Kiểu nhà nước nào tồn tại hai giai đoạn lịch sử phát triển của tổ chức bộ máy nhà nước là phân quyền cát cứ và trung ương tập quyền:

- A. Nhà nước XHCN
- B. Nhà nước tư sản
- C. Nhà nước phong kiến
- D. Nhà nước chủ nô

Câu 215. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước đơn nhất:

- A. Australia
- B. Pháp
- C. Mianma (Miến Điện)
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 216. Nhà nước nào sau đây có hình thức chính thể cộng hòa tổng thống:

- A. Xingapo
- B. Philippin
- C. Indonesia
- D. Cả B và C

Câu 217. Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa:

- A. Ả rập Xê út
- B. Cô-oét
- C. Xê-ri
- D. Gióc-đa-ni

Câu 218. Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa:

- A. Thái Lan
- B. Brunay
- C. Campuchia
- D. Indonesia

Câu 219. Nhà nước nào sau đây có chính thể quân chủ hạn chế (quân chủ đại nghị, quân chủ lập hiến):

- A. Anh quốc
- B. Nhật Bản
- C. Na uy
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 220. Nhà nước cộng hòa dân chủ là nhà nước:

- A. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một tập thể và được bầu cử suốt đời.
- B. Pháp luật quy định quyền bầu cử cho công dân để thành lập cơ quan quyền lực nhà nước tối cao có nhiệm kỳ trong thời hạn nhất định.
- C. Quyền lực nhà nước tối cao chỉ thuộc về một cá nhân và được hình thành bằng phương thức bầu cử.
- D. Cả A và C đều đúng

Câu 221. Tên gọi nào là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

- A. Bộ bưu chính viễn thông
- B. Bộ nông nghiệp
- C. Bộ tài nguyên và môi trường
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 222. Theo quy định pháp luật về bầu cử của Việt Nam, muốn tham gia bầu

cử, ngoài các điều kiện khác, về độ tuổi được quy định:

- A.** Từ đủ 18 tuổi
- B.** Không quy định độ tuổi chung mà quy định theo các dân tộc khác nhau
- C.** Từ đủ 21 tuổi
- D.** Không quy định về độ tuổi cụ thể mà quy định theo giới tính

Câu 223. Theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, độ tuổi nhỏ nhất phải chịu trách nhiệm hình sự là:

- A.** Từ đủ 6 tuổi
- B.** Từ đủ 14 tuổi
- C.** Từ đủ 16 tuổi
- D.** Từ đủ 18 tuổi

Câu 224. Phương pháp cai trị dân chủ trong chế độ chính trị tồn tại trong:

- A.** Kiểu nhà nước XHCN; Kiểu nhà nước tư sản
- B.** Kiểu nhà nước phong kiến
- C.** Kiểu nhà nước chủ nô
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 225. Ở Nhà nước CHXHCN Việt Nam, hiện tại là Quốc hội khóa:

- A.** Khóa 10
- B.** Khóa 11
- C.** Khóa 12
- D.** Khóa 13

Câu 226. Lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội, tương ứng với mấy kiểu nhà nước:

- A.** 3 kiểu nhà nước
- B.** 4 kiểu nhà nước
- C.** 5 kiểu nhà nước
- D.** 6 kiểu nhà nước

Câu 227. Khi đủ số lượng đại biểu Quốc hội có quyền biểu quyết theo quy định, thì để thông qua việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp hay miễn nhiệm đại biểu Quốc hội, cần phải có tỉ lệ bao nhiêu phần trăm đại biểu Quốc hội có mặt biểu quyết thông qua:

- A.** Trên 30 % số đại biểu có mặt
- B.** Trên 50% số đại biểu có mặt
- C.** Trên hai phần ba số đại biểu có mặt
- D.** Trên 90% số đại biểu có mặt

Câu 228. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

- A.** Cơ quan, nhân viên nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm
- B.** Cơ quan, nhân viên nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép
- C.** Cả A và B đều đúng
- D.** Cả A và B đều sai

Câu 229. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

- A.** Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm
- B.** Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép
- C.** Cả A và B đều đúng
- D.** Cả A và B đều sai

Câu 230. Cơ quan hành chính có tên gọi là “Sở” là CQNN thuộc cấp nào:

- A.** Cấp trung ương
- B.** Cấp tỉnh
- C.** Cấp huyện
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 231. Cơ quan nào không phải là cơ quan ngang bộ của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

- A.** Ngân hàng nhà nước
- B.** Thanh tra chính phủ
- C.** Ủy ban thể dục và thể thao
- D.** Văn phòng chính phủ

Câu 232. Các tòa án chuyên trách của hệ thống tòa án nước CHXHCN Việt Nam:

- A.** Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động.
- B.** Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động, tòa kinh tế.
- C.** Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động, tòa kinh tế, tòa hôn nhân gia đình.
- D.** Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động, tòa kinh tế, hôn nhân gia đình, tòa hiến pháp

Câu 233. Các con đường hình thành nên pháp luật nói chung:

- A.** Tập quán pháp
- B.** Tiền lệ pháp
- C.** VBQPPL
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 234. Tổ chức bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam, theo nguyên tắc nào:

- A.** Tập trung dân chủ; Pháp chế XHCN; Đảm bảo sự lãnh đạo của ĐCS
- B.** Quyền lực nhà nước là thống nhất những có sự phân công và phối hợp giữa các CQNN trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.
- C.** Đảm bảo sự tham gia đồng đẳng của nhân dân vào tổ chức và hoạt động của nhà nước.
- D.** Cả A, B và C

Câu 235. Xét về độ tuổi, cá nhân được tham gia quản lý doanh nghiệp khi:

- A. Từ đủ 15 tuổi
- B. Từ đủ 18 tuổi
- C. Từ đủ 21 tuổi
- D. Từ đủ 25 tuổi

Câu 236. Doanh nghiệp nói chung có thể được kinh doanh:

- A. Tất cả những ngành nghề mà pháp luật không cấm.
- B. Tất cả những ngành nghề pháp luật cho phép trong danh mục ngành, nghề kinh tế quốc dân.
- C. Tất cả những ngành nghề đã đăng ký kinh doanh với nhà nước.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 237. Điều 57 Hiến pháp Việt Nam 1992, quy định: “Công dân Việt Nam có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật” được hiểu là:

- A. Quy định về NLPL của công dân
- B. Quy định về NLHV của công dân
- C. Quy định về NLPL và NLHV của công dân
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 238. Trong nhà nước pháp quyền, mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật:

- A. Nhà nước ban hành pháp luật nên nhà nước đứng trên pháp luật và pháp luật phải phục tùng nhà nước.
- B. Việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cũng như các viên chức nhà nước đều phải dựa trên cơ sở và tuân thủ triệt để các quy định của pháp luật.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai

Câu 239. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Tập quán pháp là tập quán được nhà nước thừa nhận
- B. Tập quán pháp là tập quán có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 240. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Tiền lệ pháp là tiền lệ được nhà nước thừa nhận
- B. Tiền lệ pháp là tiền lệ có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 241. Phần giả định của QPPL là:

- A. Quy tắc xử sự thể hiện ý chí của nhà nước mà mọi người phải thi hành khi xuất hiện những điều kiện mà QPPL đã dự kiến trước.
- B. Chỉ ra những biện pháp tác động mà nhà nước sẽ áp dụng đối với các chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mệnh lệnh của nhà nước đã nêu trong phần quy định.
- C. Nêu lên đặc điểm, thời gian, chủ thể, tình huống, điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế, là môi trường tác động của QPPL.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 242. Người nghiện ma túy hoặc các chất kích thích bị hạn chế NLHV dân sự, khi:

- A. Bị công an hạn chế NLHV dân sự
- B. Bị tòa án tuyên bố hạn chế NLHV dân sự
- C. Bị viện kiểm sát hạn chế NLHV dân sự
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 243. Kiểu nhà nước nào tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc “Tam quyền phân lập”:

- A. Nhà nước XHCN
- B. Nhà nước tư sản
- C. Nhà nước phong kiến
- D. Nhà nước chủ nô

Câu 244. Quy phạm xã hội nào sau đây là quy tắc xử sự (quy tắc hành vi):

- A. Quy phạm đạo đức; Quy phạm tập quán
- B. Quy phạm đạo đức; Quy phạm tập quán; Quy phạm tôn giáo
- C. Quy phạm đạo đức; Quy phạm tập quán; Quy phạm tôn giáo; Quy phạm của các TCXH
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 245. Xét về độ tuổi, người không có NLHV dân sự là người:

- A. Dưới 6 tuổi
- B. Dưới 14 tuổi
- C. Dưới 16 tuổi
- D. Dưới 18 tuổi

Câu 246. Điều kiện để trở thành chủ thể của QHPL:

- A. Có năng lực chủ thể pháp luật.
- B. Có NLPL.
- C. Có NLHV.
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 247. Chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp của viện kiểm sát có nghĩa là:

A. Xét xử các vụ án

B. Điều tra các vụ án

C. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật các hoạt động bảo vệ pháp luật

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 248. Tính quy phạm phổ biến (tính bắt buộc chung) là thuộc tính (đặc trưng) của:

A. QPPL

B. Quy phạm đạo đức

C. Quy phạm tập quán **D.** Quy phạm tôn giáo

Câu 249. Sự biến là:

A. Những hiện tượng của đời sống khách quan xảy ra không phụ thuộc vào ý chí con người.

B. Những sự kiện xảy ra phụ thuộc trực tiếp vào ý chí con người.

C. Những sự kiện xảy ra có thể phụ thuộc trực tiếp vào ý chí con người hoặc không phụ thuộc vào ý chí con người, tùy theo từng trường hợp cụ thể.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 250. Các phương thức thể hiện của pháp luật QPPL:

A. Phương thức thể hiện trực tiếp

B. Phương thức thể hiện trực tiếp; Phương thức thể hiện viện dẫn

C. Phương thức thể hiện trực tiếp; Phương thức thể hiện viện dẫn; Phương thức thể hiện mẫu

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 251. Chức năng của nhà nước:

A. Lập hiến và lập pháp

B. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật các hoạt động tư pháp

C. Xét xử

D. Cả A, B và C

Câu 252. Ai có quyền tiến hành hoạt động ADPL:

A. Cá nhân; TCXH và doanh nghiệp

B. CQNN và người có thẩm quyền

C. TCXH khi được nhà nước trao quyền

D. Cả B và C đều đúng

Câu 253. Tính chất của hoạt động ADPL:

A. Là hoạt động mang tính cá biệt - cụ thể và không thể hiện quyền lực nhà nước.

B. Là hoạt động không mang tính cá biệt – cụ thể nhưng thể hiện quyền lực nhà nước.

C. Là hoạt động vừa mang tính cá biệt – cụ thể, vừa thể hiện quyền lực nhà nước.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 254. Hành vi vi phạm pháp luật “gây rối trật tự công cộng” là:

A. Hành vi vi phạm hành chính

B. Hành vi vi phạm hình sự

C. Hoặc A đúng hoặc B đúng

D. Cả A và B đều đúng

Câu 255. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 271, Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự về:

A. Tội phạm ít nghiêm trọng

B. Tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng

C. Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng

D. Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

Câu 256. Chủ tịch nước có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Luật, quyết định **B.** Luật, lệnh

C. Luật, lệnh, quyết định **D.** Lệnh, quyết định

Câu 257. Chính phủ có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Luật, pháp lệnh

B. Pháp lệnh, nghị quyết

C. Nghị quyết, nghị định

D. Nghị quyết, nghị định, quyết định

Câu 258. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. VBPL là một loại VBQPPL

B. VBQPPL là một loại VBPL

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 259. Phương pháp quyền uy – phục tùng là phương pháp điều chỉnh của ngành luật nào:

A. Ngành luật hình sự

B. Ngành luật dân sự

C. Ngành luật hành chính

D. Cả A và C

Câu 260. Hiệu lực của VBQPPL bao gồm:

A. Hiệu lực về thời gian; hiệu lực về không gian

B. Hiệu lực về không gian; hiệu lực về đối tượng áp dụng

C. Hiệu lực về thời gian; hiệu lực về đối tượng áp dụng

D. Hiệu lực về thời gian; hiệu lực về không gian; hiệu lực về đối tượng áp dụng

Câu 261. Sử dụng pháp luật là:

A. Thực hiện các QPPL cho phép.

B. Thực hiện các QPPL bắt buộc.

C. Thực hiện các QPPL cấm đoán.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 262. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong các văn bản sau của hệ thống VBQPPL Việt Nam:

A. Luật

B. Pháp lệnh

C. Thông tư

D. Chỉ thị

Câu 263. Sử dụng pháp luật là:

A. Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.

B. Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.

C. Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 264. Các loại vi phạm pháp luật:

A. Vi phạm hình sự

B. Vi phạm hình sự, vi phạm hành chính

C. Vi phạm hình sự, vi phạm hành chính và vi phạm dân sự

D. Vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, vi phạm dân sự và vi phạm kỉ luật

Câu 265. Đặc điểm của VBPL cụ thể - cá biệt là:

- A.** Chỉ được thực hiện một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện.
- B.** Được thực hiện nhiều lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện.
- C.** Chỉ được thực hiện một lần và vẫn còn hiệu lực khi được thực hiện.
- D.** Được thực hiện nhiều lần và vẫn còn hiệu lực khi được thực hiện.

Câu 266. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

- A.** Ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp)
- B.** Ngành luật hành chính
- C.** Ngành luật hình sự
- D.** Ngành luật môi trường

Câu 267. Đâu là ngành luật trong HTPL Việt Nam

- A.** Ngành luật hành chính
- B.** Ngành luật doanh nghiệp
- C.** Ngành luật môi trường
- D.** Ngành luật báo chí

Câu 268. Chế định “Chế độ chính trị” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật nhà nước (Ngành luật hiến pháp)
- B. Ngành luật hành chính
- C. Ngành luật hình sự
- D. Ngành luật dân sự

Câu 269. Chế định “Tội phạm” thuộc ngành luật nào:

- A.** Ngành luật hình sự
- B.** Ngành luật tố tụng hình sự
- C.** Ngành luật dân sự
- D.** Ngành luật tố tụng dân sự

Câu 270. Chế định “Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự” thuộc ngành luật nào:

- A.** Ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp)
- B.** Ngành luật tố tụng dân sự
- C.** Ngành luật đất đai
- D.** Ngành luật dân sự

Câu 271. Chế định “Quyết định việc truy tố” thuộc ngành luật nào:

- A.** Ngành luật hành chính
- B.** Ngành luật tố tụng dân sự

C. Ngành luật tố tụng hình sự

D. Ngành luật hình sự

Câu 272. Chế định “Khởi kiện và thụ lý vụ án” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật hình sự

B. Ngành luật dân sự

C. Ngành luật tố tụng hình sự

D. Ngành luật tố tụng dân sự

Câu 273. Chế định “Thẩm quyền của tòa án các cấp” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật hình sự

B. Ngành luật tố tụng hình sự

C. Ngành luật dân sự

D. Ngành luật hành chính

Câu 274. Chế định “Thủ tục tái thẩm” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật đất đai

B. Ngành luật lao động

C. Ngành luật tố tụng hình sự

D. Ngành luật dân sự

Câu 275. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Chỉ có vi phạm pháp luật mới phải chịu trách nhiệm pháp lý

B. Các vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức, vi phạm quy tắc tôn giáo, vi phạm tập quán,... đều phải chịu trách nhiệm pháp lý

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 276. Các chủ thể có quyền thực hiện hình thức ADPL:

A. CQNN và người có thẩm quyền

B. Cá nhân; TCXH

C. TCXH khi được nhà nước trao quyền

D. Cả A và C đều đúng

Câu 277. Đây là đặc điểm của nhà nước liên bang:

A. Có chủ quyền chung đồng thời mỗi nhà nước thành viên có chủ quyền riêng

B. Có hai hệ thống CQNN; Có hai HTPL

C. Công dân có hai quốc tịch

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 278. Trong quá trình tố tụng:

A. Chỉ có vụ án hình sự mới phải qua giai đoạn khởi kiện

D. Cả A, B và C đều đúng

B. Chỉ có vụ án dân sự mới phải qua giai đoạn khởi kiện

C. Cả vụ án dân sự và vụ án hình sự đều phải qua giai đoạn khởi kiện.

Câu 279. Phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL:

A. Giả định hoặc quy định hoặc chế tài

B. Điều luật

C. QPPL

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 280. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

A. Pháp luật là đạo đức tối thiểu

B. Đạo đức là pháp luật tối đa

C. Cả A và B đều đúng

C. Cả A và B đều sai

Câu 281. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Tất cả các quyết định có nội dung bảo vệ pháp luật của cơ quan công an phải được viện kiểm sát phê chuẩn.

B. Tất cả các quyết định có nội dung bảo vệ pháp luật của cơ quan công an phải được viện kiểm sát phê chuẩn trước khi thi hành.

C. Tất cả các quyết định có nội dung bảo vệ pháp luật của cơ quan công an có thể chưa cần phải được viện kiểm sát phê chuẩn khi đem ra thi hành.

D. Cả A, B và C

Câu 282. Cơ sở kinh tế của nhà nước tư sản là:

A. Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất và nô lệ.

B. Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất mà chủ yếu là ruộng đất.

C. Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và bóc lột giá trị thặng dư.

D. Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Câu 283. Cơ sở xã hội, cơ cấu giai cấp của nhà nước chủ nô, bao gồm:

A. Hai giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, ngoài ra còn có tầng lớp thợ thủ công và những người lao động tự do khác.

B. Kết cấu giai cấp phức tạp, địa chủ và nông dân là hai giai cấp chính, ngoài ra

còn có thợ thủ công, thương nhân

C. Hai giai cấp chính là tư sản và vô sản, ngoài ra còn có giai cấp nông dân, tầng lớp tiểu tư sản, trí thức...

D. Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo nhà nước và xã hội, quyền lực nhà nước thuộc về giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Câu 284. Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của một kiểu nhà nước nhất định:

A. Tiền đề kinh tế

B. Tiền đề xã hội

C. Về tư tưởng và chính trị

D. Cả A và B đều đúng

Câu 285. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Nhà nước liên bang luôn luôn có hai viện lập pháp

C. Cả A và B đều đúng

B. Nhà nước đơn nhất chỉ có một viện lập pháp

D. Cả A và B đều sai

Câu 286. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Nhà nước liên bang có thể chỉ có một viện lập pháp

B. Nhà nước đơn nhất có thể có hai viện lập pháp

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 287. Các quyết định ADPL có thể được ban hành bằng hình thức:

A. Bằng miệng

B. Bằng văn bản

C. Có thể bằng miệng hoặc bằng văn bản tùy thuộc từng trường hợp cụ thể

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 288. Các biện pháp tăng cường pháp chế:

A. Đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật

B. Tổ chức tốt công tác thực hiện pháp luật

C. Tiến hành thường xuyên, kiên trì công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh những vi phạm pháp luật.

D. Cả A, B và C

Câu 289. Trong quá trình tố tụng:

A. Điều tra là giai đoạn bắt buộc của tố tụng dân sự

B. Điều tra là giai đoạn bắt buộc của tố tụng hình sự

C. Điều tra là giai đoạn bắt buộc của cả tố tụng hình sự và tố tụng dân sự

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 290. Nhận định nào sau đây là đúng:

A. Sự xuất hiện giai cấp làm xuất hiện chế độ tư hữu

C. Cả A và B đều đúng

B. Sự xuất hiện của chế độ tư hữu làm xuất hiện các giai cấp

D. Cả A và B đều sai

Câu 291. Nhận định nào sau đây là đúng

A. Của cải dư thừa là điều kiện làm xuất hiện chế độ tư hữu

B. Xuất hiện chế độ tư hữu mới làm cho của cải dư thừa

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 292. Thành phố nào sau đây không phải là thành phố trực thuộc trung ương:

A. Thành phố Đà Nẵng

B. Thành phố Hải Phòng

C. Thành phố Nha Trang

D. Thành phố Cần Thơ

Câu 293. Cơ quan nào là CQNN:

A. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

B. Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

C. Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 294. Bản chất của nhà nước là:

A. Đảm bảo lợi ích cho các giai cấp, tầng lớp trong xã hội

B. Đại diện và bảo vệ lợi ích cho giai cấp thống trị

C. Điều hòa lợi ích cho các giai cấp, tầng lớp trong xã hội

D. Nhà nước của mọi giai tầng trong xã hội

Câu 295. Nhận định nào sau đây là đúng:

A. Xã hội CXNT chưa có nhà nước và do đó không có quyền lực và tổ chức quyền lực.

B. Xã hội CXNT đã có nhà nước, có quyền lực và tổ chức quyền lực.

C. Xã hội CXNT chưa có nhà nước nhưng đã có quyền lực và tổ chức quyền lực.

D. Xã hội CXNT đã có nhà nước nhưng chưa có quyền lực và tổ chức quyền lực.

Câu 296. Sự tồn tại của pháp luật:

A. Do nhu cầu quản lý xã hội của nhà nước.

B. Là một hiện tượng tất yếu, bất biến trong đời sống xã hội của loài người.

C. Là do ý chí chủ quan của giai cấp thống trị.

D. Yêu cầu khách quan của một xã hội có giai cấp.

Câu 297. Cấp chính quyền nào sau đây không phải là cấp chính quyền địa phương:

A. Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

B. Huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh

C. Xã, phường, thị trấn

D. Buôn, làng, bản, phum, sóc, thôn, mường, ấp

Câu 298. Nước nào sau đây không phải là nhà nước XHCN:

A. Nga

B. Lào

C. Cuba

D. Triều Tiên

Câu 299. Theo quy định của Hiến pháp 1992 của nước CHXHCN Việt Nam, Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước có nhiệm kỳ:

A. 3 năm

B. 4 năm

C. 5 năm

D. 6 năm

Câu 300. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước liên bang:

A. Australia

B. Miến Điện, Mêhicô

C. Thụy Sĩ, Malaysia **D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 301. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước liên bang:

A. Canada

B. Anh

C. Pháp

D. Trung Quốc

Câu 302. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước đơn nhất:

A. Đức

B. Hoa Kỳ

C. Thụy Sĩ

D. Thụy Điển

Câu 303. Nhà nước nào sau đây có hình thức chính thể cộng hòa tổng thống:

A. Nga

B. Mỹ

C. Philippin

D. Cả B và C đều đúng

Câu 304. Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa:

A. Đan Mạch

B. Thụy Điển

C. Hà Lan

D. Bồ Đào Nha

Câu 305. Nước nào sau đây có chính thể cộng hòa đại nghị:

A. Đức

B. Hoa Kỳ

C. Nga

D. Cả A và C đều đúng

Câu 306. Nhà nước nào sau đây là nhà nước có chính thể quân chủ hạn chế (quân chủ đại nghị):

A. Phần Lan

B. Thụy Sĩ

C. Thụy Điển

D. Áo

Câu 307. Nhà nước cộng hòa quý tộc là nhà nước:

A. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về giới quý tộc và được hình thành theo phương thức thừa kế.

B. Quyền lực nhà nước tối cao vừa được hình thành do bầu cử, vừa được hình thành theo phương thức thừa kế.

D. Cả A, B và C đều đúng

C. Quyền bầu cử chỉ dành riêng cho giới quý tộc, do pháp luật quy định và bảo đảm thực hiện.

Câu 308. Tên gọi nào là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

A. Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp

B. Bộ đầu tư

C. Bộ thống kê

D. Bộ tài nguyên và môi trường

Câu 309. Kiểu nhà nước nào sử dụng phương pháp cưỡng chế để cai trị và quản lý xã hội:

A. Nhà nước chủ nô
nước phong kiến

B. Nhà nước chủ nô và nhà

C. Nhà nước tư sản, nhà nước phong kiến và nhà nước chủ nô

D. Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản, nhà nước phong kiến và nhà nước chủ nô

Câu 310. Pháp luật là:

A. Công cụ hạn chế sự tự do của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

B. Công cụ đảm bảo sự tự do của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

C. Công cụ đảm bảo sự tự do của các chủ thể này nhưng lại hạn chế sự tự do của các chủ thể khác trong xã hội.

D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 311. Nhiệm vụ của nhà nước:

A. Xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

C. Điện khí hóa toàn quốc.

B. Xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 312. Chế độ sở hữu đất đai của Nhà nước CHXHCN Việt Nam là:

A. Chế độ sở hữu tư nhân

B. Chế độ sở hữu toàn dân và chế độ sở hữu tập thể

C. Chế độ sở hữu toàn dân

D. Chế độ sở hữu toàn dân và chế độ sở hữu tư nhân

Câu 313. Chế độ sở hữu đất đai của Nhà nước CHXHCN Việt Nam là:

A. Chế độ sở hữu tư nhân

B. Chế độ sở hữu toàn dân

C. Chế độ sở hữu tập thể

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 314. Các phương thức ra đời của nhà nước tư sản:

A. Bằng cách mạng tư sản.

B. Bằng thỏa hiệp với giai cấp phong kiến.

C. Bằng sự hình thành các nhà nước tư sản vốn là thuộc địa của các nước châu Âu.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 315. Trong quá trình hình thành và phát triển:

A. Quốc gia nào cũng phải trải qua bốn kiểu nhà nước.

B. Mỗi quốc gia chỉ phải trải qua ba kiểu nhà nước.

C. Tùy theo hoàn cảnh lịch sử của mình mà mỗi quốc gia không nhất thiết phải trải qua tất cả các kiểu nhà nước.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 316. Theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam, một năm có mấy ngày nghỉ lễ:

A. 7 ngày
ngày

B. 8 ngày

C. 9

D. 10 ngày

Câu 317. Pháp luật là:

E. Đại lượng đảm bảo sự công bằng trong xã hội.

F. Chuẩn mực cho xử sự của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

G. Công cụ bảo đảm cho sự tự do cho cá nhân, tổ chức trong xã hội

H. Cả A, B và C đều đúng

Câu 318. Đạo luật nào dưới đây quy định một cách cơ bản về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước.

A. Bộ luật dân sự

B. Bộ luật hình sự

C. Hiến pháp

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 319. Sự xuất hiện của nhà nước cổ đại nào sau đây là do mâu thuẫn giai cấp gay gắt đến mức không thể điều hòa được:

A. Nhà nước Giéc – manh

B. Nhà nước Rôma

C. Nhà nước phương Đông

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 320. Phân quy định của QPPL:

A. Là quy tắc xử sự mà mọi người phải thi hành khi xuất hiện những điều kiện mà QPPL đã dự kiến trước.

B. Nêu lên đặc điểm, thời gian, chủ thể, tình huống, điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế.

C. Chỉ ra những biện pháp tác động mà nhà nước sẽ áp dụng đối với các chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mệnh lệnh đã nêu.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 321. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, hệ thống tòa án nhân dân được chia thành mấy cấp:

A. 2 cấp

B. 3 cấp

C. 4 cấp

D. 5 cấp

Câu 322. Nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

A. Tam quyền phân lập

B. Tập trung dân chủ

C. Quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công và phối hợp giữa các CQNN trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 323. Hệ thống tòa án của nước CHXHCN Việt Nam có bao nhiêu tòa chuyên trách:

A. 4 tòa chuyên trách

B. 5 tòa chuyên trách

C. 6 tòa chuyên trách

D. 7 tòa chuyên trách

Câu 324. Công chức nhà nước có quyền tham gia quản lý:

A. Công ty cổ phần

B. Doanh nghiệp tư nhân

C. Công ty trách nhiệm hữu hạn

D. Hộ kinh doanh cá thể

Câu 325. Xét về độ tuổi, cá nhân được thành lập doanh nghiệp khi:

A. Từ đủ 15 tuổi

B. Từ đủ 16 tuổi

C. Từ đủ 18 tuổi

D. Từ đủ 21 tuổi

Câu 326. Quyền sở hữu tài sản của cá nhân xuất hiện từ lúc:

A. Từ khi được sinh ra

B. Từ đủ 15 tuổi

C. Từ đủ 18 tuổi

D. Từ đủ 21 tuổi

Câu 327. Điều kiện để một tổ chức tham gia vào một QHPL cụ thể:

A. Chỉ cần có NLPL

B. Chỉ cần có NLHV

C. Có năng lực chủ thể pháp luật

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 328. Khẳng định nào đúng:

A. Hình thức nhà nước phản ánh cách thức tổ chức quyền lực nhà nước.

B. Hình thức nhà nước là các phương pháp, cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 329. Khẳng định nào sau đây là đúng:

B. Chế độ chính trị phản ánh cách thức tổ chức quyền lực nhà nước.

A. Chế độ chính trị là các phương pháp, cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 330. Câu nói: “Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế thông qua pháp luật” có nghĩa là:

A. Pháp luật chính là sự phản ánh các điều kiện tồn tại khách quan của xã hội.

B. Đường lối, chính sách của đảng cầm quyền bị quy định bởi cơ sở kinh tế.

C. Pháp luật của nhà nước thể chế hóa đường lối, chính sách của đảng cầm quyền.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 331: Theo HTPL châu Âu lục địa, khẳng định nào là đúng:

A. Công pháp là lĩnh vực pháp luật điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước

B. Công pháp là lĩnh vực pháp luật điều vừa chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước, vừa điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích của cá nhân, tổ chức.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 332: Theo HTPL châu Âu lục địa, khẳng định nào là đúng:

A. Tư pháp là lĩnh vực pháp luật điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích của cá nhân, tổ chức.

B. Tư pháp là lĩnh vực pháp luật vừa điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước, vừa điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích của cá nhân, tổ chức.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 333: Mỗi QPPL:

A. Phải có đầy đủ cả ba yếu tố cấu thành: giả định; quy định; chế tài.

B. Chỉ cần có hai trong ba yếu tố trên.

C. Chỉ cần có một trong ba yếu tố trên.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 334. Quy phạm nào có chức năng điều chỉnh các QHXXH:

A. Quy phạm đạo đức

B. Quy phạm tập quán

C. Quy phạm tôn giáo

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 335. Quy phạm nào có chức năng điều chỉnh các QHXXH:

A. QPPL

B. Quy phạm tôn giáo

C. Quy tắc quản lý của các TCXH

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 336. SKPL có thể:

A. Làm phát sinh một QHPL cụ thể

B. Làm thay đổi một QHPL cụ thể

C. Làm chấm dứt một QHPL cụ thể

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 337. SKPL có thể:

A. Làm phát sinh một QHPL cụ thể

B. Làm phát sinh, thay đổi một QHPL cụ thể

C. Làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt một QHPL cụ thể

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 338. Quan điểm về pháp luật tự nhiên là:

A. Pháp luật bảo vệ môi trường.

C. Cả A và B đều đúng.

B. Pháp luật phát sinh từ bản chất tự nhiên của con người.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 339. Quan điểm về pháp luật tự nhiên là:

A. Pháp luật do giai cấp thống trị ban hành

C. Cả A và B đều đúng

B. Pháp luật phát sinh từ bản chất tự nhiên của con người

D. Cả A và B đều sai

Câu 340. Trong một nhà nước:

E. NLHV của các chủ thể khác nhau thì khác nhau.

F. NLHV của các chủ thể khác nhau thì giống nhau.

G. NLHV của các chủ thể có thể vừa giống nhau có thể vừa khác nhau.

H. Cả A, B và C đều đúng

Câu 341. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, khi xét xử:

A. Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

B. Hội thẩm phải phụ thuộc vào Thẩm phán trong quá trình xét xử, và tuân theo pháp luật.

C. Thẩm phán phải phụ thuộc vào Hội thẩm trong quá trình xét xử, và phải tuân theo pháp luật.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 342. Loại nguồn được công nhận trong hệ thống VBPL Việt Nam:

- A. VBPL
- B. Tập quán pháp
- C. Tiền lệ pháp
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 343. Chức năng công tố của viện kiểm sát có nghĩa là:

- A. Xét xử các vụ án khởi tố trước tòa án
- B. Điều tra các vụ án các hoạt động bảo vệ pháp luật
- C. Buộc tội (truy tố) người đã bị
- D. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật

Câu 344. Khẳng định nào là đúng:

- A. QPPL là quy phạm xã hội
- B. Quy phạm tôn giáo không phải là quy phạm xã hội
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 345. Khẳng định nào là đúng:

- A. Quy phạm đạo đức là quy phạm xã hội
- B. Quy phạm tập quán không phải là quy phạm xã hội
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 346. Đối với các quy phạm xã hội không phải là QPPL, các chủ thể có phải tuân thủ không khi xử sự theo các quy phạm đó:

- A. Phải tuân thủ các quy tắc xử sự đó
- B. Không phải tuân thủ các quy tắc xử sự đó
- C. Có thể phải tuân thủ hoặc không, tùy theo từng trường hợp cụ thể
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 347. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- B. Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến)
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 348. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến)
- B. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 349. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- B. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 350. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- B. Điều chỉnh các quan hệ xã hội
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 351. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến)
- B. Bảo vệ các quan hệ xã hội
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 352. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Giáo dục hành vi con người
- B. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 353. Người bị hạn chế NLHV dân sự là người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác:

- A. Dẫn đến phá sản tài sản của gia đình.
- B. Dẫn đến phá sản tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố là người bị hạn chế NLHV dân sự.
- C. Dẫn đến phá sản tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án, Viện kiểm sát có thể ra quyết định tuyên bố là người bị hạn chế NLHV dân sự.
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 354. Hình thức thực hiện pháp luật nào cần phải có sự tham gia của nhà nước:

- A. Tuân thủ pháp luật
- B. Thi hành pháp luật
- C. Sử dụng pháp luật
- D. ADPL

Câu 355. Hành vi “gây rối trật tự công cộng” có thể là:

- A. Hành vi vi phạm hình sự
- B. Hành vi vi phạm dân sự

C. Cả A và B

D. Cả A và B hoặc A hoặc B

Câu 356. Đạo luật nào quy định trình tự, thủ tục, các giai đoạn giải quyết các vụ tranh chấp dân sự:

A. Bộ luật dân sự

B. Bộ luật hình sự

C. Bộ luật tố tụng dân sự

D. Bộ luật tố tụng hình sự

Câu 357. Quốc hội có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Hiến pháp, luật

B. Hiến pháp, luật, pháp lệnh

C. Hiến pháp, luật, nghị quyết

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 358. Khẳng định nào là đúng:

E. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBQPPL; tập quán pháp; và tiền lệ pháp. Chỉ có VBQPPL là nguồn của pháp luật Việt Nam.

F. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBQPPL; tập quán pháp; và tiền lệ pháp. Chỉ có VBQPPL và tập quán pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

G. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBQPPL; tập quán pháp; và tiền lệ pháp. Chỉ có VBQPPL và tiền lệ pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

H. Cả A, B và C đều sai

Câu 359: VBPL:

A. Bắt buộc phải có QPPL

B. Không có QPPL

C. Có thể có hoặc không có QPPL

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 360. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng các biện pháp khôi phục pháp luật nào sau đây:

A. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

B. Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường sống, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 361. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng các biện pháp khôi phục pháp luật nào sau đây:

A. Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, văn hóa phẩm độc hại.

B. Buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra đến 1.000.000 đồng

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 362. Phương pháp tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận là phương pháp điều chỉnh của ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật hôn nhân – gia đình

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 363. Phương pháp tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận là phương pháp điều chỉnh của ngành luật nào:

A. Ngành luật dân sự

B. Ngành luật lao động

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 364. Khẳng định nào sau đây là không đúng:

A. Hệ thống hình phạt được chia thành hai nhóm: hình phạt chính và hình phạt bổ sung

B. Phạt tiền và trục xuất vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 365. Khẳng định nào sau đây là không đúng:

A. Hệ thống hình phạt được chia thành hai nhóm: hình phạt chính và hình phạt bổ sung

B. Ngoài hệ thống hình phạt, pháp luật hình sự còn quy định thêm các biện pháp tư pháp nhằm mục đích hỗ trợ cho hình phạt

C. Cả A và B đều đúng
B đều sai

D. Cả A và

Câu 366. Khẳng định nào sau đây là không đúng:

- A. Phạt tiền và trục xuất vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung
- B. Ngoài hệ thống hình phạt, pháp luật hình sự còn quy định thêm các biện pháp tư pháp nhằm mục đích hỗ trợ cho hình phạt
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 367. Loại vi phạm pháp luật nào gây hậu quả lớn nhất cho xã hội:

- A. Vi phạm hình sự B. Vi phạm hành chính
- C. Vi phạm dân sự D. Vi phạm kỹ luật

Câu 368. HTPL nào sau đây là HTPL thành văn:

- A. HTPL Anh – Mỹ
- B. HTPL châu Âu lục địa
- C. HTPL XHCN
- D. Cả B và C đều đúng

Câu 369. HTPL nào sau đây là HTPL không thành văn:

- A. HTPL Anh – Mỹ
- B. HTPL châu Âu lục địa
- C. HTPL XHCN
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 370. Bản án sơ thẩm của tòa án nhân dân có hiệu lực thi hành khi:

- A. Ngay khi tòa tuyên án.
- B. Sau 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án nếu người bị kết án, các đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, viện kiểm sát và tòa án có thẩm quyền không kháng nghị.
- C. Sau 30 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.
- D. Sau 1 năm kể từ ngày tòa tuyên án.

Câu 371. Bản án phúc thẩm của tòa án nhân dân có hiệu lực thi hành khi:

- A. Ngay sau khi tòa tuyên án.
- B. Sau 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.
- C. Sau 30 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.
- D. Sau một năm kể từ ngày tòa tuyên án

Câu 372. Đặc điểm của VBPL cụ thể - cá biệt là:

- A. Luôn mang tính chất cụ thể và cá biệt, vì được ban hành chỉ để giải quyết những trường hợp cá biệt - cụ thể.

B. Chỉ được thực hiện một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 373. Đặc điểm của VBPL cụ thể - cá biệt là:

A. Hình thức thể hiện không chỉ là văn bản mà có thể bằng miệng.

B. Thông thường được ban hành bằng một thủ tục chặt chẽ và cụ thể, nhưng đôi khi cũng được ban hành chớp nhoáng, không có đầy đủ các bước để giải quyết những công việc khẩn cấp.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 374. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật dân sự

B. Ngành luật tố tụng dân sự

C. Ngành luật doanh nghiệp

D. Ngành luật tố tụng hình sự

Câu 375. Đâu là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật hình sự

B. Ngành luật an ninh quốc gia

C. Ngành luật tố tụng hình sự

D. Ngành luật tài chính

Câu 376. Chế định “Chế độ kinh tế” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật tài chính

C. Ngành luật lao động

D. Ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp)

Câu 377. Chế định “Cá nhân” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật lao động

B. Ngành luật hành chính

C. Ngành luật dân sự

D. Ngành luật tố tụng dân sự

Câu 378. Chế định “Thừa kế” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật hành chính

B. Ngành luật tố tụng hình sự

C. Ngành luật quốc tế

D. Ngành luật dân sự

Câu 379. Chế định “Giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật hình sự

B. Ngành luật tố tụng hình sự

C. Ngành luật tố tụng dân sự

D. Ngành luật hôn nhân và gia đình

Câu 380. Chế định “Hòa giải” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật hôn nhân và gia đình

B. Ngành luật lao động

C. Ngành luật tố tụng hình sự

D. Ngành luật tố tụng dân sự

Câu 381. Chế định “Người tham gia tố tụng” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật tố tụng dân sự

C. Ngành luật tố tụng hình sự

D. Cả B và C đều đúng

Câu 382. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, Hội đồng nhân dân có mấy cấp:

A. 2 cấp

B. 3 cấp

C. 4 cấp

D. 5 cấp

Câu 383. Tuân thủ pháp luật:

A. Không được làm những điều mà pháp luật cấm bằng hành vi thụ động

B. Phải làm những điều mà pháp luật bắt buộc bằng hành vi tích cực

C. Có quyền thực hiện hay không thực hiện những điều mà pháp luật cho phép

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 384. Các thuộc tính, dấu hiệu, đặc trưng của CQNN:

A. Là bộ phận cấu thành bộ máy nhà nước, nhưng có tính độc lập tương đối về cơ cấu tổ chức, bao gồm một nhóm công chức được nhà nước giao cho những quyền hạn và nghĩa vụ nhất định.

B. Quyền ban hành VBPL mang tính bắt buộc thi hành đối với cá nhân, tổ chức, CQNN có liên quan.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 385. Các thuộc tính, dấu hiệu, đặc trưng không phải là của CQNN:

A. Là bộ phận cấu thành bộ máy nhà nước, nhưng có tính độc lập tương đối về cơ cấu tổ chức, bao gồm một nhóm công chức được nhà nước giao cho những quyền hạn và nghĩa vụ nhất định.

B. Mang tính quyền lực nhà nước thể hiện ở thẩm quyền được nhà nước trao.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 386. Giải quyết các tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của:

A. Toà án nhân dân cấp huyện

B. Toà án nhân dân cấp tỉnh

C. Cả toà án nhân dân cấp huyện và toà án nhân dân cấp tỉnh

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 387. Để phân biệt HTPL và hệ thống VBPL, khẳng định nào sau là đúng:

A. HTPL là cơ cấu bên trong của pháp luật, bao gồm các ngành luật, các phân ngành luật và các chế định pháp luật

B. HTPL là khái niệm liên quan đến hình thức biểu hiện bên ngoài của pháp luật, phản ánh tình trạng nguồn của pháp luật.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 388. Để phân biệt HTPL và hệ thống VBPL, khẳng định nào sau là đúng:

A. Hệ thống VBPL là khái niệm liên quan đến hình thức biểu hiện bên ngoài của pháp luật, phản ánh tình trạng nguồn của pháp luật.

B. Hệ thống VBPL là cơ cấu bên trong của pháp luật, bao gồm các ngành luật, các phân ngành luật và các chế định pháp luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 389. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Mỗi bản Hiến pháp Việt Nam được ban hành phản ánh bước ngoặt của một giai đoạn lịch sử xã hội Việt Nam.

B. Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1992 mới phản ánh bước ngoặt của giai đoạn lịch sử xã hội Việt Nam.

C. Chỉ có Hiến pháp 1946 mới phản ánh bước ngoặt của giai đoạn lịch sử xã hội Việt Nam.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 390. Nhận định nào sau đây là đúng:

A. VBPL cá biệt được áp dụng nhiều lần và hiệu lực tồn tại lâu dài

B. VBPL cá biệt được áp dụng nhiều lần và hiệu lực của nó chấm dứt ngay khi được áp dụng

C. VBPL cá biệt được áp dụng một lần và hiệu lực tồn tại lâu dài

D. VBPL cá biệt được áp dụng một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực ngay sau khi được áp dụng

Câu 391. Cơ sở kinh tế của nhà nước XHCN là:

A. Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất và nô lệ.

B. Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất mà chủ yếu là ruộng đất.

C. Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và bóc lột giá trị thặng dư.

D. Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Câu 392. Cơ sở kinh tế, cơ cấu xã hội của chế độ cộng sản nguyên thủy:

A. Cơ sở kinh tế là chế độ sở hữu chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động.

B. Cơ cấu xã hội là một tổ chức tự quản với hệ thống quản lý là Hội đồng thị tộc và tù trưởng.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 393. Cơ sở kinh tế, cơ cấu xã hội của chế độ cộng sản nguyên thủy:

A. Cơ sở kinh tế là một tổ chức tự quản với hệ thống quản lý là Hội đồng thị tộc và tù trưởng.

B. Cơ cấu xã hội là chế độ sở hữu chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 394. Khái niệm nào sau đây được dùng để chỉ cơ quan hành chính nhà nước cao nhất:

A. Chính phủ **B.** Hội đồng bộ trưởng

C. Cả A và B đều đúng **D.** Cả A và B đều sai

Câu 395. Khái niệm nào sau đây được dùng để chỉ cơ quan hành chính nhà nước cao nhất:

A. Hội đồng chính phủ **B.** Nội các

C. Cả A và B đều đúng **D.** Cả A và B đều sai

Câu 396. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Hạ viện là cơ quan lập pháp đại diện cho toàn liên bang

B. Hạ viện là cơ quan lập pháp đại diện cho các bang nơi các nghị sĩ được bầu ra

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 397. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Thượng viện là cơ quan lập pháp đại diện cho toàn liên bang

B. Thượng viện là cơ quan lập pháp đại diện cho các bang nơi các nghị sĩ được bầu ra

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 398. Quyết định ADPL:

A. Có những tên gọi (hình thức pháp lý nhất định) theo quy định của pháp luật.

B. Không có tên gọi (hình thức pháp lý nhất định).

C. Có thể có hoặc không có tên gọi (hình thức pháp lý nhất định) tùy theo từng trường hợp cụ thể.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 399. Thực hiện quyết định ADPL:

A. Các đối tượng có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định

B. Cơ quan ban hành cũng như những cơ quan có liên quan có trách nhiệm bảo đảm việc thi hành.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 400. VBPL chủ đạo là văn bản:

A. Chứa đựng những QPPL

B. Quy định những chủ trương, đường lối, chính sách, nhiệm vụ chung quan trọng

C. Được ban hành để giải quyết những vụ việc cá biệt, cụ thể

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 401. Các biện pháp tăng cường pháp chế:

A. Đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật

B. Tổ chức tốt công tác thực hiện pháp luật

C. Tiến hành thường xuyên, kiên trì công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh những vi phạm pháp luật.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 402. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Điều luật là phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL

B. QPPL là phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL

C. Cả điều luật và QPPL là phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 403. Ở xã hội CXNT:

A. Chưa xuất hiện chế độ tư hữu, chưa xuất hiện giai cấp nên nhà nước chưa xuất hiện.

B. Xuất hiện chế độ công hữu, xuất hiện các giai cấp khác nhau nhưng nhà nước chưa xuất hiện.

C. Xuất hiện chế độ tư hữu, chưa xuất hiện giai cấp, nhà nước chưa xuất hiện.

D. Chưa xuất hiện chế độ công hữu, chưa xuất hiện giai cấp, nhà nước chưa xuất hiện.

Câu 404. Thành phố nào sau đây là thành phố trực thuộc trung ương:

A. Thành phố Đà Nẵng

B. Thành phố Cần Thơ

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 405. Cơ quan nào là CQNN:

A. Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

B. Hội đồng nhân dân TP.HCM.

C. Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 406. Mục đích tồn tại của nhà nước là:

- A.** Bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị
- B.** Duy trì trật tự và quản lý xã hội
- C.** Sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 407. Các đặc trưng, dấu hiệu cơ bản của nhà nước:

- A.** Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt; quản lý dân cư theo lãnh thổ.
- B.** Kiểm tra, giám sát các đối tượng bị quản lý; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.
- C.** Đề ra các quy tắc quản lý; thực hiện các hoạt động kinh tế.
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 408. Các đặc trưng, dấu hiệu cơ bản của nhà nước:

- A.** Kiểm tra, giám sát các đối tượng bị quản lý; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.
- B.** Có chủ quyền quốc gia; ban hành pháp luật; quy định các loại thuế.
- C.** Đề ra các quy tắc quản lý; thực hiện các hoạt động kinh tế.
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 409. Quyền lực nhà nước trong xã hội có giai cấp:

- A.** Hòa nhập vào xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên trong xã hội.
- B.** Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội.
- C.** Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên trong xã hội.
- D.** Hòa nhập vào xã hội và phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội.

Câu 410. Thuyết “Khế ước xã hội” giải thích về nguồn gốc của sự xuất hiện nhà nước, xuất hiện vào thời kỳ nào:

A. Xã hội CXNT

B. Chiếm hữu nô lệ

C. Phong kiến

D. Cách mạng tư sản

Câu 411. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, người được bầu vào chức danh Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, có thể được làm tối đa mấy nhiệm kỳ:

- A.** 1 nhiệm kỳ **B.** 2 nhiệm kỳ **C.** 3 nhiệm kỳ
D. Không giới hạn nhiệm kỳ

Câu 412. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam:

- A.** Do Chủ tịch nước giới thiệu sự giới thiệu của Chủ tịch nước **B.** Do QH bầu theo
C. Do nhân dân bầu ra **D.** Do ĐCS bầu ra

Câu 413. Nhà nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước liên bang:

- A.** Indonesia **B.** Philippin **C.** Thái Lan
D. Mianma (Miến Điện)

Câu 414. Trong lịch sử, các kiểu nhà nước nào có hình thức cấu trúc nhà nước liên bang:

- A.** Nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản, nhà nước XHCN
B. Nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản, nhà nước XHCN.
C. Nhà nước tư sản, nhà nước XHCN
D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 415. Nhà nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước đơn nhất:

- A.** Achentina **B.** Braxin
C. Italia **D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 416. Nhà nước nào sau đây có hình thức chính thể cộng hòa tổng thống:

- A.** Hoa Kỳ **B.** Nga
C. Ucraina **D.** Cả A, B và C đều đúng.

Câu 417. Nước nào sau đây có chính thể quân chủ:

- A.** Ba Lan **B.** Hi Lạp
C. Cả A và B đều đúng **D.** Cả A và B đều sai

Câu 418. Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa đại nghị:

- A.** Ixrael **B.** Thổ Nhĩ Kỳ
C. Ấn Độ **D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 419. Nhà nước nào sau đây là nhà nước có chính thể quân chủ hạn chế (quân chủ đại nghị):

- A.** Pháp **B.** Bỉ
C. Anh **D.** Cả B và C đều đúng

Câu 420. Tên gọi nào không phải là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của

Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

- A.** Bộ du lịch
- B.** Bộ thương nghiệp
- C.** Bộ thông tin
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 421. Tên gọi nào không phải là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

- A.** Bộ giáo dục và đào tạo
- B.** Bộ khoa học và công nghệ
- C.** Bộ thủy sản
- D.** Bộ nội vụ

Câu 422. Theo quy định pháp luật về bầu cử của Việt Nam, muốn tham gia ứng cử, ngoài các điều kiện khác, về độ tuổi được quy định:

- A.** Từ đủ 18 tuổi
- B.** Từ đủ 21 tuổi
- C.** Không quy định độ tuổi chung mà quy định theo các dân tộc khác nhau
- D.** Không quy định về độ tuổi cụ thể mà quy định theo giới tính

Câu 423. Theo quy định pháp luật về bầu cử của Việt Nam, muốn tham gia ứng cử, ngoài các điều kiện khác, về độ tuổi được quy định:

- A.** Từ đủ 18 tuổi
- B.** Từ đủ 21 tuổi
- C.** Không quy định về độ tuổi cụ thể mà quy định theo giới tính
- D.** Không quy định độ tuổi chung mà quy định theo các vùng miền khác nhau

Câu 424. Kiểu nhà nước nào sử dụng phương pháp cưỡng chế để cai trị và quản lý xã hội:

- A.** Nhà nước chủ nô
- B.** Nhà nước phong kiến
- C.** Nhà nước tư sản
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 425. Kiểu nhà nước nào sử dụng phương pháp cưỡng chế để cai trị và quản lý xã hội:

- A.** Nhà nước chủ nô
- B.** Nhà nước phong kiến

C. Nhà nước XHCN

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 426. Theo Điều 17 Hiến pháp Việt Nam 1992, quy định về chế độ sở hữu đối với đất đai, thì:

- A. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai.
- B. Tổ chức có quyền sở hữu đối với đất đai, còn cá nhân, hộ gia đình tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai.
- C. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác có quyền sở hữu đối với đất đai.
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 427. Ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp tồn tại trong kiểu nhà nước nào:

- A. Nhà nước XHCN; Nhà nước tư sản
- B.** Nhà nước phong kiến
- C. Nhà nước chủ nô
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 428. Bản Hiến pháp đang có hiệu lực của Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

- A. Hiến pháp 1992
- B.** Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 1980
- C. Hiến pháp 1992, Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1959
- D.** Hiến pháp 1992, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1959 và Hiến pháp 1946

Câu 429. Theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam, thì cán bộ, công chức, viên chức một tuần làm việc mấy ngày:

- A. 4 ngày
- B. 5 ngày
- C. 6 ngày
- D. 7 ngày

Câu 430. Theo quy định Hiến pháp Việt Nam 1992, cơ quan nào sau đây có chức năng xét xử:

- A. Chính phủ
- B. Quốc hội
- C. Tòa án nhân dân
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 431. Pháp luật là:

- A.** Đại lượng đảm bảo sự công bằng trong xã hội.
- B.** Chuẩn mực cho xử sự của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

C. Hiện tượng khách quan xuất hiện trong xã hội có giai cấp.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 432. Ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp tồn tại trong kiểu nhà nước nào:

A. Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản.

B. Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản, nhà nước phong kiến.

C. Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản, nhà nước phong kiến và nhà nước chủ nô.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 433. Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam theo nguyên tắc:

A. Tập trung dân chủ

B. Quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công và phối hợp giữa các CQNN trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

C. Tập quyền nhưng có vận dụng những hạt nhân hợp lý của học thuyết “Tam quyền phân lập”.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 434. Tổ chức và hoạt động của bộ máy NNCHXHCN Việt Nam không theo nguyên tắc nào:

A. Tập trung dân chủ

B. Tam quyền phân lập

C. Quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công và phối hợp giữa các CQNN trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

D. Tập quyền nhưng có vận dụng những hạt nhân hợp lý của học thuyết “Tam quyền phân lập”.

Câu 435. Cơ quan nào sau đây có chức năng quản lý hành chính:

A. Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân

B. Chính phủ

C. UBND các cấp

D. Cả B và C đều đúng

Câu 436. Đâu không phải là chức năng của nhà nước:

A. Lập hiến và lập pháp

B. Quản lý các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội

C. Xét xử đều sai

D. Cả A, B và C

Câu 437. Cơ quan nào không phải là cơ quan ngang bộ của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

A. Đài truyền hình Việt Nam

B. Học viện chính trị - hành chính quốc gia HCM

C. Ủy ban dân tộc

D. Cả A và B đều đúng

Câu 438. Theo pháp luật Việt Nam, chủ thể kinh doanh bao gồm:

A. Tất cả các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh

B. Tất cả các pháp nhân theo pháp luật Việt Nam

C. Tất cả các tổ chức kinh tế hoạt động kinh doanh

D. Cá nhân, tổ chức có quyền thực hiện hành vi kinh doanh

Câu 439. Xét về địa điểm, người đầu tư được thành lập doanh nghiệp:

A. Tại nơi có hộ khẩu thường trú

B. Tại nơi được cấp chứng minh nhân dân

C. Theo sự lựa chọn của người đầu tư trên lãnh thổ VN

D. Tại nơi có đăng ký tạm trú dài hạn

Câu 440. Độ tuổi tối thiểu mà cá nhân có thể phải chịu trách nhiệm hành chính là:

A. Từ đủ 14 tuổi

B. Từ đủ 16 tuổi

C. Từ đủ 18 tuổi

D. Từ đủ 21 tuổi

Câu 441. Phân giả định của QPPL:

A. Bộ phận nêu lên địa điểm, thời gian, chủ thể, các hoàn cảnh, tình huống có thể xảy ra trong thực tế để QPPL có thể áp dụng.

C. Cả

A và B đều đúng

B. Bộ phận nêu lên môi trường tác động của QPPL.

D. Cả A và B đều sai

Câu 442. Khẳng định nào đúng:

A. Hình thức chính thể là cách thức tổ chức, trình tự thành lập và quan hệ giữa các cơ quan quyền lực nhà nước tối cao cũng như mức độ tham gia của nhân dân vào việc thiết lập các cơ quan này.

B. Hình thức chính thể là sự cấu tạo (tổ chức) nhà nước thành các đơn vị hành chính – lãnh thổ và tính chất quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nhà nước với nhau, giữa các CQNN ở trung ương với các CQNN ở địa phương.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 443. Khẳng định nào đúng:

- A. Hình thức cấu trúc là cách thức tổ chức, trình tự thành lập và quan hệ giữa các cơ quan quyền lực nhà nước tối cao cũng như mức độ tham gia của nhân dân vào việc thiết lập các cơ quan này.
- B. Hình thức cấu trúc là sự cấu tạo (tổ chức) nhà nước thành các đơn vị hành chính – lãnh thổ và tính chất quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nhà nước với nhau, giữa các CQNN ở trung ương với các CQNN ở địa phương.
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 444. Khẳng định nào đúng:

- A. Hiến pháp là đạo luật nhằm hạn chế quyền lực
- B. Hiến pháp là đạo luật nhằm mở rộng quyền lực.**
- C. Hiến pháp là đạo luật cơ bản quy định cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.
- D. Cả A và C đều đúng.

Câu 445. Khẳng định nào đúng:

- A. Hiến pháp là đạo luật nhằm hạn chế quyền lực.**
- B. Hiến pháp là đạo luật cơ bản quy định cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.
- C. Cả A và C đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai

Câu 446. Chủ thể pháp luật là khái niệm để chỉ chủ thể pháp luật:

- A. Một cách chung chung, không chỉ ra chủ thể cụ thể trong các trường hợp cụ thể**
- B. Một cách cụ thể, trong các trường hợp cụ thể
- C. Có thể là cụ thể hoặc là chung chung, tùy từng trường hợp.
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 447. Trong mối quan hệ giữa pháp luật và kinh tế, thì:

A. Pháp luật là yếu tố quyết định kinh tế.

B. Kinh tế là yếu tố quyết định pháp luật.

C. Pháp luật là yếu tố quyết định kinh tế, nhưng kinh tế có tính độc lập tương đối, tác động trở lại pháp luật.

D. Kinh tế là yếu tố quyết định pháp luật, nhưng pháp luật có tính độc lập tương đối, tác động trở lại kinh tế.

Câu 448. Năng lực pháp luật là:

A. Khả năng của chủ thể có được các quyền chủ thể và mang các nghĩa vụ pháp lý mà nhà nước thừa nhận.

B. Khả năng của chủ thể được nhà nước thừa nhận, bằng các hành vi của mình thực hiện các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý, tham gia vào các QHPL.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai

Câu 449. Đạo luật điều chỉnh việc ban hành VBQPPL:

A. Luật tổ chức chính phủ

B. Hiến pháp

C. Luật tổ chức quốc hội

D. Luật ban hành VBQPPL

Câu 450. Hành vi là:

A. Những hiện tượng của đời sống khách quan xảy ra không phụ thuộc vào ý chí con người.

B. Những sự kiện xảy ra phụ thuộc trực tiếp vào ý chí con người.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 451. Con đường hình thành nên pháp luật nói chung:

A. VBQPPL

B. VBQPPL và tập quán pháp

C. VBQPPL và tiền lệ pháp

D. VBQPPL, tập quán pháp và tiền lệ pháp

Câu 452. Chức năng nào không phải là chức năng của pháp luật:

A. Chức năng điều chỉnh các QHXXH

B. Chức năng lập hiến và lập pháp

C. Chức năng bảo vệ các QHXXH

D. Chức năng giáo dục

Câu 453. Câu khẳng định nào là đúng

A. Năng lực pháp luật luôn mang tính giai cấp.

B. NLHV không mang tính giai cấp.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 454. Câu khẳng định nào là đúng

A. Năng lực pháp luật không mang tính giai cấp.

B. NLHV luôn mang tính giai cấp.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 455. Khẳng định nào là đúng:

A. Tập quán pháp là tập quán được nhà nước thừa nhận; Tiền lệ pháp là tiền lệ được NN thừa nhận

B. Tiền lệ pháp là tiền lệ được nhà nước thừa nhận; Tập quán pháp là tập quán có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận

C. Tập quán pháp là tập quán được nhà nước thừa nhận; Tiền lệ pháp là tiền lệ có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận

D. Tiền lệ pháp là tiền lệ có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận; Tập quán pháp là tập quán có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận

Câu 456. Ai có quyền tiến hành hoạt động ADPL:

A. Cá nhân, TCXH và doanh nghiệp

B. CQNN, người có thẩm quyền

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 457. Hành vi “gây rối trật tự công cộng” có thể là:

A. Hành vi vi phạm hành chính

B. Hành vi vi phạm dân sự

C. Cả A và B

D. Cả A và B hoặc A hoặc B

Câu 458. Khẳng định nào là đúng:

A. VBPL là một loại VBQPPL

B. VBQPPL là một loại VBPL

C. VBPL có thể có quy phạm hoặc không có quy phạm

D. Cả B và C đều đúng

Câu 459. Đây là hình thức xử phạt chính trong các hình thức xử phạt hành chính:

A. Cảnh cáo và phạt tiền

B. Tước quyền sử dụng giấy phép và tịch thu tang vật phương tiện vi phạm

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 460. Đối với các hình thức (biện pháp) trách nhiệm hình sự, thì:

A. Cá nhân chịu trách nhiệm hình sự có thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc cho tổ chức.

B. Cá nhân chịu trách nhiệm hình sự không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức

C. Cá nhân chịu trách nhiệm hình sự chỉ có thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân khác

D. Cá nhân chịu trách nhiệm hình sự chỉ có thể chuyển trách nhiệm này cho tổ chức

Câu 461. Đối với các hình thức (biện pháp) trách nhiệm hình sự, thì:

A. Cá nhân chịu trách nhiệm hình sự không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức

B. Cá nhân chịu trách nhiệm hình sự chỉ có thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân khác

C. Cá nhân chịu trách nhiệm hình sự chỉ có thể chuyển trách nhiệm này cho tổ chức

D. Cá nhân chịu trách nhiệm hình sự có thể chuyển hoặc không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức, tùy từng trường hợp

Câu 462. Khẳng định nào là đúng:

A. Mọi hành vi trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật

B. Mọi hành vi vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật

C. Hành vi trái pháp luật có thể là hành vi vi phạm pháp luật, có thể không phải là hành vi vi phạm pháp luật

D. Cả B và C đều đúng

Câu 463. Khẳng định nào là đúng:

A. Mọi hành vi vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật

B. Hành vi trái pháp luật có thể là hành vi vi phạm pháp luật, có thể không phải là hành vi vi phạm pháp luật

C. Cả B và C đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 464. Khẳng định nào là đúng:

A. Mọi hành vi trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật

B. Hành vi trái pháp luật có thể là hành vi vi phạm pháp luật, có thể không phải là hành vi vi phạm pháp luật

C. Cả B và C đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 465. Nguyên tắc áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung trong pháp luật hình sự và pháp luật hành chính là:

A. Có thể áp dụng một lúc nhiều hình phạt chính và nhiều hình phạt bổ sung

B. Chỉ có thể áp dụng một lúc được nhiều hình phạt chính, và chỉ áp dụng được một hình phạt bổ sung

C. Chỉ có thể áp dụng được một hình phạt chính và một hình phạt bổ sung

D. Chỉ có thể áp dụng được một hình phạt chính, và áp dụng được nhiều hình phạt bổ sung

Câu 466. Đạo luật quy định trình tự, thủ tục đưa một người vi phạm pháp luật hình sự ra xét xử và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

A. Bộ luật hình sự **B.** Bộ luật dân sự

C. Bộ luật tố tụng hình sự **D.** Bộ luật tố tụng dân sự

Câu 467. Bản án đã có hiệu lực pháp luật được viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi:

A. Khi người bị kết án, người bị hại, các đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với phán quyết của tòa án.

B. Phát hiện ra tình tiết mới, quan trọng của vụ án.

C. Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm nghiêm trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 468. Thi hành pháp luật là:

A. Thực hiện các QPPL cho phép.

B. Thực hiện các QPPL bắt buộc.

C. Thực hiện các QPPL cấm đoán.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 469. HTPL của Nước CHXHCN Việt Nam hiện nay được chia thành mấy ngành:

A. 10 ngành

B. 11 ngành

C. 12 ngành

D. 13 ngành

Câu 470. Khẳng định nào đúng:

A. ADPL là việc thực hiện pháp luật của công dân.

B. ADPL là việc thực hiện pháp luật của CQNN và người có thẩm quyền.

C. ADPL là việc thực hiện pháp luật của công dân, của CQNN và của người có thẩm quyền.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 471. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật xây dựng

B. Ngành luật hôn nhân và gia đình

C. Ngành luật kinh tế

D. Ngành luật tài chính

Câu 472. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật đất đai

B. Ngành luật dầu khí

C. Ngành luật tài chính

D. Ngành luật dân sự

Câu 473. Chế định “Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật hành chính

B. Ngành luật hôn

nhân và gia đình

C. Ngành luật lao động
nước (ngành luật hiến pháp)

D. Ngành luật nhà

Câu 474. Chế định “Pháp nhân” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật dân sự

B. Ngành luật tố tụng dân sự

C. Ngành luật hôn nhân và gia đình

D. Ngành luật lao động

Câu 475. Chế định “Khởi tố vụ án hình sự” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật hình sự
tụng hình sự

B. Ngành luật tố

C. Ngành luật tố tụng dân sự
nước (ngành luật hiến pháp)

D. Ngành luật nhà

Câu 476. Chế định “Xóa án tích” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật đất đai

B. Ngành luật lao động

C. Ngành luật quốc tế

D. Ngành luật hình sự

Câu 477. Chế định “Thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật hành chính

C. Ngành luật tố tụng dân sự

D. Ngành luật quốc tế

Câu 478. Chế định “Xét xử sơ thẩm” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật tố tụng hình sự

B. Ngành luật hình sự

C. Ngành luật lao động

D. Ngành luật đất đai

Câu 479. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Ở các tỉnh khác nhau số lượng các đơn vị hành chính cấp sở là như nhau

B. Ở các tỉnh khác nhau tên gọi của các đơn vị hành chính cấp sở là hoàn toàn giống nhau

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 480. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Ở các tỉnh khác nhau số lượng các đơn vị hành chính cấp sở không hoàn toàn như nhau

B. Ở các tỉnh khác nhau tên gọi của các đơn vị hành chính cấp sở không hoàn toàn giống nhau

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 481. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương:

A. Đại diện cho quyền lợi nhân dân địa phương nơi được bầu ra.

B. Đại diện cho quyền lợi của nhân dân cả nước.

C. Đại diện cho quyền lợi của nhân dân cả nước và đại diện cho quyền lợi của nhân dân địa phương nơi được bầu ra.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 482. Thi hành pháp luật:

A. Không được làm những điều mà pháp luật cấm bằng hành vi thụ động

B. Phải làm những điều mà pháp luật bắt buộc bằng hành vi tích cực

C. Có quyền thực hiện hay không thực hiện những điều mà pháp luật cho phép

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 483. Bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

A. Thể hiện ở tính nhân dân, là nhà nước của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

B. Nhà nước của tất cả các dân tộc trên lãnh thổ; Thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở.

C. Tổ chức và hoạt động của nhà nước trên cơ sở mối quan hệ bình đẳng giữa nhà nước và công dân.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 484. Toà án có thẩm quyền xét xử theo thủ tục phúc thẩm các bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật:

A. Toà án nhân dân cấp huyện

B. Toà án nhân dân cấp tỉnh xét xử phúc thẩm theo thẩm quyền do luật định

C. Toà phúc thẩm toà án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm theo thẩm quyền do luật định.

D. Cả B và C đều đúng

Câu 485. Một VBQPPL do CQNN hoặc người có thẩm quyền ban hành, hết hiệu lực khi:

A. Bị một văn bản được ban hành sau thay thế và văn bản đó đã có hiệu lực

B. Bị CQNN hoặc người có thẩm quyền bãi bỏ hay đình chỉ hiệu lực

C. Được CQNN hoặc người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 486. Nhận định nào sau đây là đúng:

A. Hiến pháp VN 1946 là bước chuyển từ chế độ quân chủ, thực dân sang chế độ cộng hoà dân chủ.

B. Hiến pháp 1959 hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân và đưa miền Bắc tiến lên XHCN, đấu tranh thống nhất nước nhà ở miền Nam.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 487. Nhận định nào sau đây là đúng:

A. Hiến pháp Việt Nam 1946 hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân và đưa miền Bắc tiến lên XHCN, đấu tranh thống nhất nước nhà ở miền Nam.

B. Hiến pháp 1959 là bước chuyển từ chế độ quân chủ, thực dân sang chế độ cộng hoà dân chủ.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 488. Nhận định nào sau đây là đúng:

A. Hiến pháp 1980 là Hiến pháp thống nhất nước nhà và đưa cả nước đi lên CNXH.

B. Hiến pháp 1992 là Hiến pháp của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 489. Nhận định nào sau đây là đúng:

A. Hiến pháp 1980 là Hiến pháp của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

B. Hiến pháp 1992 là Hiến pháp thống nhất nước nhà và đưa cả nước đi lên CNXH.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 490. Các hình thức ra đời của nhà nước XHCN:

A. Công xã Paris **B.** Nhà nước dân chủ nhân dân

C. Nhà nước XHCN **D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 491. Cơ sở xã hội, cơ cấu giai cấp của nhà nước phong kiến, bao gồm:

A. Hai giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, ngoài ra còn có tầng lớp thợ thủ công và

những người lao động tự do khác.

B. Kết cấu giai cấp phức tạp, địa chủ và nông dân là hai giai cấp chính, ngoài ra còn có thợ thủ công, thương nhân

C. Hai giai cấp chính là tư sản và vô sản, ngoài ra còn có giai cấp nông dân, tầng lớp tiểu tư sản, trí thức...

D. Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo nhà nước và xã hội, quyền lực nhà nước thuộc về giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Câu 492. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản:

A. Thời kỳ thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản đến năm 1871, đây là quá trình hình thành, củng cố nhà nước và các thiết chế tư sản.

B. Giai đoạn 1871 – 1917: chủ nghĩa tư bản phát triển thành chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa đế quốc.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 493. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản:

A. Giai đoạn từ 1917 - 1945 là giai đoạn khủng hoảng nghiêm trọng của chủ nghĩa tư bản.

B. Giai đoạn từ 1945 đến nay, là giai đoạn phục hồi và củng cố sự phát triển của nhà nước tư sản.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 494. Khái niệm “Hành pháp” tương đương với khái niệm nào:

A. Hành chính

B. Lập pháp

C. Tư pháp

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 495. Khái niệm “Hành pháp” tương đương với khái niệm nào:

A. Lập pháp

B. Tư pháp

C. Quản lý nhà nước

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 496. Khái niệm “Hành pháp” tương đương với khái niệm nào:

A. Lập pháp B. Chấp hành và điều hành

C. Tư pháp

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 497. Toà án có chức năng xét xử những hành vi vi phạm hiến pháp (vi hiến):

A. Toà bảo hiến

B. Toà hiến pháp

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 498. Quyết định ADPL:

- A.** Luôn mang tính chất cụ thể và cá biệt
- B.** Được ban hành chỉ để giải quyết những trường hợp cá biệt - cụ thể
- C.** Chỉ được thực hiện một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 499. Việc thực hiện các quyết định ADPL:

- A.** Bằng các biện pháp vật chất, tổ chức, kỹ thuật, kiểm tra việc thực hiện.
- B.** Có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành.
- C.** Cả A và B đều đúng.
- D.** Cả A và B đều sai

Câu 500. Các dấu hiệu của VBQPPL:

- A.** Có tính bắt buộc chung
- B.** Được áp dụng nhiều lần và lâu dài
- C.** Cả A và B đều đúng.
- D.** Cả A và B đều sai

Câu 501. Các dấu hiệu của VBQPPL:

- A.** Được áp dụng nhiều lần và lâu dài
- B.** Nếu chỉ áp dụng một lần thì hiệu lực của văn bản vẫn tồn tại mặc dù đã được thực hiện
- C.** Cả A và B đều đúng.
- D.** Cả A và B đều sai

Câu 502. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A.** Khi xét xử tòa án chỉ có thẩm quyền ra bản án
- D.** Cả A, B và C đều sai
- B.** Khi xét xử, tòa án chỉ có thẩm quyền ra quyết định
- C.** Khi xét xử, tòa án có thẩm quyền ra bản án, quyết định

Câu 503. Số lượng các biện pháp trách nhiệm hành chính:

- A.** Có 1 biện pháp xử phạt chính và 2 biện pháp xử phạt bổ sung
- B.** Có 2 biện pháp xử phạt chính và 3 biện pháp xử phạt bổ sung
- C.** Có 2 biện pháp xử phạt chính và 2 biện pháp xử phạt bổ sung
- D.** Tất cả đều sai

Câu 504. Các biện pháp xử phạt chính trong các biện pháp xử phạt hành chính:

A. Phạt tiền, tước quyền sử dụng giấy phép

B. Phạt tiền, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

C. Tước quyền sử dụng giấy phép, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

D. Cảnh cáo, phạt tiền

Câu 505. Các biện pháp xử phạt bổ sung trong các biện pháp xử phạt hành chính:

A. Cảnh cáo, phạt tiền

B. Cảnh cáo, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

C. Tước quyền sử dụng giấy phép, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

D. Phạt tiền, tước quyền sử dụng giấy phép

Câu 506. Nguyên tắc xử phạt hành chính:

A. Áp dụng biện pháp xử phạt chính và biện pháp xử phạt bổ sung một cách độc lập

B. Áp dụng độc lập biện pháp xử phạt chính, và áp dụng phụ thuộc các biện pháp xử phạt bổ sung

C. Áp dụng độc lập các biện pháp xử phạt bổ sung, và áp dụng phụ thuộc các biện pháp xử phạt chính

D. Áp dụng phụ thuộc cả biện pháp xử phạt chính và cả biện pháp xử phạt bổ sung

Câu 507. Nguyên tắc xử phạt hành chính:

A. Có thể áp dụng nhiều biện pháp xử phạt chính và nhiều biện pháp xử phạt bổ sung

B. Chỉ có thể áp dụng một biện pháp xử phạt chính và có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp xử phạt bổ sung

C. Chỉ có thể áp dụng một biện pháp xử phạt bổ sung và có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp xử phạt chính

D. Chỉ có thể áp dụng một biện pháp xử phạt chính và một biện pháp xử phạt bổ sung

Câu 508. Nguyên tắc áp dụng các hình phạt trong trách nhiệm hình sự:

A. Áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung một cách độc lập

B. Áp dụng độc lập hình phạt chính, và áp dụng phụ thuộc hình phạt bổ sung

C. Áp dụng độc lập các hình phạt bổ sung, và áp dụng phụ thuộc các hình phạt chính

D. Áp dụng phụ thuộc cả hình phạt chính và cả hình phạt bổ sung

Câu 509. Nguyên tắc áp dụng các hình phạt trong trách nhiệm hình sự:

A. Có thể áp dụng nhiều hình phạt chính và nhiều hình phạt bổ sung

B. Chỉ có thể áp dụng một hình phạt chính và có thể áp dụng một hoặc nhiều hình phạt bổ sung

C. Chỉ có thể áp dụng một hình phạt bổ sung và có thể áp dụng một hoặc nhiều hình phạt chính

D. Chỉ có thể áp dụng một hình phạt chính và một hình phạt bổ sung

Câu 510. Số lượng các hình phạt trong trách nhiệm hình sự:

A. Có 10 hình phạt chính và 10 hình phạt bổ sung

B. Có 9 hình phạt chính và 9 hình phạt bổ sung

C. Có 8 hình phạt chính và 8 hình phạt bổ sung

D. Có 7 hình phạt chính và 7 hình phạt bổ sung

Câu 511. Trong các hình phạt của trách nhiệm hình sự:

A. Phạt tiền là hình phạt chính

B. Phạt tiền là hình phạt bổ sung

C. Phạt tiền vừa là hình thức xử phạt chính vừa là hình thức xử phạt bổ sung

D. Tất cả đều sai

Câu 512. Trong các hình phạt của trách nhiệm hình phạt:

A. Trục xuất là hình phạt chính

B. Trục xuất là hình phạt bổ sung

C. Trục xuất vừa là hình thức xử phạt chính vừa là hình thức xử phạt bổ sung

D. Tất cả đều sai

Câu 513. Hình phạt tịch thu tài sản:

A. Là hình phạt chính

B. Là hình phạt bổ sung

C. Vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 514. Hình phạt cấm đảm nhiệm những chức vụ, làm những nghề hoặc công việc nhất định:

A. Là hình phạt chính

B. Là hình phạt bổ sung

C. Vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 515. Trong các hình phạt của trách nhiệm hình phạt:

A. Hình phạt cải tạo không giam giữ chính là án phạt tù treo

B. Hình phạt cải tạo không giam giữ chính là hình phạt cảnh cáo

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 516. Trên một tờ báo có viết “Đến tháng 6 năm 2006, Chính phủ còn “nợ” của dân 200 VBPL”, điều này có nghĩa là:

A. Chính phủ còn ban hành thiếu 200 đạo luật

B. Chính phủ còn ban hành thiếu 200 văn bản hướng dẫn (văn bản pháp quy)

C. Quốc hội còn ban hành thiếu 200 đạo luật

D. Tất cả các câu trên đều sai

Câu 517. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật dân sự có đặc điểm:

A. Bảo đảm sự bình đẳng về mặt pháp lý giữa các chủ thể

B. Bảo đảm quyền tự định đoạt của các chủ thể

C. Truy cứu trách nhiệm tài sản của những người có hành vi gây thiệt hại cho người khác nếu có đủ điều kiện quy định về việc bồi thường thiệt hại.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 518. Tài sản theo ngành luật dân sự bao gồm:

A. Vật; Tiền

B. Giấy tờ có giá; Các quyền tài sản

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 519. Chủ thể của ngành luật dân sự bao gồm:

A. Cá nhân

B. Cá nhân, pháp nhân

C. Cá nhân, pháp nhân, tổ hợp tác

D. Cá nhân, pháp nhân, tổ hợp tác, hộ gia đình

Câu 520. Trong các quan hệ dân sự:

A. Các bên có sự bình đẳng về địa vị pháp lý

B. Các bên không có sự bình đẳng về địa vị pháp lý

C. Tùy từng trường hợp mà các bên có thể bình đẳng hoặc không bình đẳng về địa vị pháp lý

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 521. Trong một quan hệ dân sự giữa CQNN và cá nhân công dân:

A. Luôn thể hiện sự bất bình đẳng về địa vị pháp lý

B. Luôn thể hiện sự bình đẳng về địa vị pháp lý

C. Tùy từng trường hợp, có thể là bình đẳng hoặc không bình đẳng về địa vị pháp lý

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 522. Trong quan hệ hình sự:

A. CQNN và người phạm tội có sự bình đẳng về địa vị pháp lý

B. CQNN và người phạm tội có sự bất bình đẳng về địa vị pháp lý

C. Tùy từng trường hợp mà các bên có thể bình đẳng hoặc không bình đẳng về địa vị pháp lý

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 523. Trong một quan hệ hình sự:

A. Luôn thể hiện sự bất bình đẳng về địa vị pháp lý

D. Cả A, B và C đều sai

B. Luôn thể hiện sự bình đẳng về địa vị pháp lý

C. Tùy từng trường hợp, có thể là bình đẳng hoặc không bình đẳng về địa vị pháp lý

Câu 524. Trong các quan hệ hành chính:

A. Các bên có sự bình đẳng về địa vị pháp lý

D. Cả A, B và C đều sai

B. Các bên không có sự bình đẳng về địa vị pháp lý

C. Tùy từng trường hợp mà các bên có thể bình đẳng hoặc không bình đẳng về địa vị pháp lý

Câu 525. Trong các quan hệ hành chính:

A. Luôn thể hiện sự bất bình đẳng về địa vị pháp lý

D. Cả A, B và C đều sai

B. Luôn thể hiện sự bình đẳng về địa vị pháp lý

C. Tùy từng trường hợp, có thể là bình đẳng hoặc không bình đẳng về địa vị pháp lý

pháp lý

Câu 526. Cá nhân trong ngành luật dân sự gồm:

- A. Người VN
- B. Người nước ngoài
- C. Người không quốc tịch
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 527. Điều kiện để một tổ chức được coi là pháp nhân:

- A. Được thành lập hợp pháp; Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ
- B. Có tài sản độc lập với tài sản của tổ chức, cá nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; Nhân danh mình tham gia vào các QHPL một cách độc lập
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 528. Trong một phiên tòa dân sự, theo quy định chung:

- A. Người thắng kiện phải chịu án phí
- B. Người thua kiện phải chịu án phí
- C. Án phí được chia đôi cho người thắng kiện và người thua kiện
- D. Nhà nước trả án phí

Câu 529. Trong trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án và phải chịu sự cưỡng chế của cơ quan thi hành án, thì:

- A. Chi phí cưỡng chế thi hành án do nhà nước chịu
- B. Chi phí cưỡng chế do người bị cưỡng chế thi hành án chịu
- C. Chi phí cưỡng chế do người được thi hành án chịu
- D. Chi phí cưỡng chế được chia đôi cho người được thi hành án và người phải thi hành án cùng chịu

Câu 530. Trong trường hợp người được thi hành án không tự nguyện thi hành, đối với người được thi hành án là cá nhân, thì người được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành bản án, quyết định trong thời hạn nào sau đây kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực:

- A. 1 năm
- B. 2 năm
- C. 3 năm
- D. 4 năm

Câu 531. Trong trường hợp người được thi hành án không tự nguyện thi hành, đối với người được thi hành án là tổ chức, thì người được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành bản án, quyết định trong thời hạn nào sau đây kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực:

- A. 1 năm
- B. 2 năm

C. 3 năm

D. 4 năm

Câu 532. Trong vụ án dân sự, tòa án đã tuyên bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật:

- A. Tòa án không có nghĩa vụ cấp cho người được thi hành và người phải thi hành bản sao bản án hoặc quyết định.
- B. Tòa án có nghĩa vụ cấp cho người được thi hành và người phải thi hành bản sao bản án hoặc quyết định.
- C. Tòa án chỉ có nghĩa vụ cấp cho người được thi hành bản sao bản án hoặc quyết định.
- D. Tòa án chỉ có nghĩa vụ cấp cho người phải thi hành bản sao bản án hoặc quyết định.

Câu 533. Trong tố tụng dân sự, thời hạn để chấp hành viên định cho người phải thi hành án tự nguyện thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật:

- A. Không quá 10 ngày
- B. Không quá 20 ngày
- C. Không quá 30 ngày
- D. Không quá 40 ngày

Câu 534. Trong tố tụng dân sự, căn cứ pháp lý để kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm:

- A.** Việc điều tra không đầy đủ; Kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án
- B.** Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Có sai lầm nghiêm trọng trong việc ADPL
- C.** Cả A và B đều đúng
- D.** Cả A và B đều sai

Câu 535. Trong tố tụng dân sự, căn cứ pháp lý để kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục tái thẩm:

- A.** Mới phát hiện được tình tiết quan trọng của vụ án mà đương sự không thể biết được; Đã xác định được lời khai của người làm chứng, kết luận giám định hoặc lời dịch rõ ràng không đúng sự thật hoặc đã có sự giả mạo bằng chứng
- B.** Thẩm phán, hội thẩm, kiểm sát viên cố tình làm sai lệch hồ sơ vụ án hoặc cố tình kết luận trái pháp luật; Bản án hình sự, dân sự hoặc quyết định của cơ quan, tổ chức mà tòa án đã dựa vào để giải quyết vụ án đã bị hủy.
- C.** Cả A và B đều đúng
- D.** Cả A và B đều sai

Câu 536. Trong tố tụng dân sự, ai có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm:

- A.** Chánh án tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao
- B.** Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân

dân tối cao

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 537. Trong tố tụng dân sự, ai có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm:

A. Chánh án tòa án cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp tỉnh

B. Chánh án tòa án cấp huyện, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp huyện

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 538. Trong tố tụng dân sự, ai có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục tái thẩm:

A. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

B. Chánh án tòa án cấp huyện, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp huyện

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 539. Trong tố tụng dân sự, ai có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục tái thẩm:

A. Chánh án tòa án cấp tỉnh, viện trưởng viện kiểm sát cấp tỉnh.

B. Chánh án tòa án cấp huyện, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp huyện

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 540. Trong tố tụng dân sự, ai có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục tái thẩm:

A. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

B. Chánh án tòa án cấp tỉnh, viện trưởng viện kiểm sát cấp tỉnh.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 541. Trong tố tụng dân sự, phiên tòa giám đốc thẩm:

A. Phiên tòa giám đốc thẩm không mở công khai

B. Phiên tòa giám đốc thẩm được mở công khai

C. Phiên tòa giám đốc thẩm có thể được mở công khai hoặc không được mở công khai tùy theo từng trường hợp cụ thể

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 542. Trong tố tụng dân sự, phiên tòa tái thẩm:

A. Phiên tòa tái thẩm không mở công khai

B. Phiên tòa tái thẩm được mở công khai

C. Phiên tòa tái thẩm có thể được mở công khai hoặc không được mở công khai tùy theo từng trường hợp cụ thể

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 543. Trong tố tụng dân sự, tại phiên tòa giám đốc thẩm:

A. Hội đồng xét xử chỉ có thẩm phán

B. Hội đồng xét xử chỉ có hội thẩm nhân dân

C. Hội đồng xét xử vừa có thẩm phán, vừa có hội thẩm nhân dân

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 544. Trong tố tụng dân sự, tại phiên tòa tái thẩm:

A. Hội đồng xét xử chỉ có thẩm phán

B. Hội đồng xét xử chỉ có hội thẩm nhân dân

C. Hội đồng xét xử vừa có thẩm phán, vừa có hội thẩm nhân dân

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 545. Trong tố tụng dân sự, tại phiên tòa giám đốc thẩm:

A. Việc triệu tập đương sự là thủ tục bắt buộc

B. Không phải triệu tập bất cứ một đương sự nào

C. Tòa án có thể triệu tập đương sự nếu xét thấy cần thiết

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 546. Trong tố tụng dân sự, tại phiên tòa tái thẩm:

A. Việc triệu tập đương sự là thủ tục bắt buộc

B. Không phải triệu tập bất cứ một đương sự nào

C. Tòa án có thể triệu tập đương sự nếu xét thấy cần thiết

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 547. Hội đồng xét xử phiên tòa giám đốc thẩm trong vụ án dân sự có thẩm quyền:

A. Giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật

B. Giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của tòa án cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 548. Hội đồng xét xử phiên tòa giám đốc thẩm trong vụ án dân sự có thẩm quyền:

A. Sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật

B. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm lại

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 549. Hội đồng xét xử phiên tòa giám đốc thẩm trong vụ án dân sự có thẩm quyền:

A. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm lại

B. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ việc giải quyết vụ án

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 550. Hội đồng xét xử phiên tòa tái thẩm trong vụ án dân sự có thẩm quyền:

A. Giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật

B. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 551. Hội đồng xét xử phiên tòa tái thẩm trong vụ án dân sự có thẩm quyền:

A. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ việc giải quyết vụ án

B. Giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của tòa án cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 552. Đối tượng điều chỉnh của ngành luật dân sự:

A. Chỉ bao gồm các quan hệ tài sản

B. Chỉ bao gồm các quan hệ nhân thân

C. Cả các quan hệ tài sản và các quan hệ nhân thân

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 553. Đây là nguồn của ngành luật dân sự:

A. Chỉ có Bộ luật dân sự là nguồn duy nhất của ngành luật dân sự

B. Các QPPL của Hiến pháp và các đạo luật khác điều chỉnh quan hệ dân sự là nguồn của ngành luật dân sự

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 554. Đây là nguồn của ngành luật dân sự:

A. Các văn bản dưới luật có các QPPL dân sự là nguồn của ngành luật dân sự

B. Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có các QPPL dân sự là nguồn của ngành luật dân sự

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 555. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Khi xét xử, tòa án có quyền hủy quyết định có liên quan đến vụ án của CQNN, tổ chức kinh tế, TCXH rõ ràng là trái pháp luật

B. Khi xét xử, tòa án không có quyền hủy quyết định có liên quan đến vụ án của CQNN, tổ chức kinh tế, TCXH rõ ràng là trái pháp luật

C. Khi xét xử, tùy từng trường hợp cụ thể, tòa án có quyền hủy hoặc không có quyền hủy quyết định có liên quan đến vụ án của CQNN, tổ chức kinh tế, TCXH rõ ràng là trái pháp luật

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 556. Nguyên tắc của Ngành luật tố tụng dân sự:

A. Hòa giải là nguyên tắc bắt buộc trong tố tụng dân sự đối với mọi vụ án dân sự

B. Hòa giải không là nguyên tắc bắt buộc trong tố tụng dân sự đối với mọi vụ án dân sự

C. Hòa giải là nguyên tắc bắt buộc, trừ một số trường hợp pháp luật không cho phép hòa giải

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 557. Nguyên tắc của ngành luật tố tụng dân sự:

A. Trong vụ án dân sự, các đương sự có quyền quyết định và tự định đoạt nhưng không được trái pháp luật và đạo đức xã hội.

B. Trong vụ án dân sự, các đương sự không có quyền quyết định và tự định đoạt.

C. Trong vụ án dân sự, việc đương sự có quyền quyết định và tự định đoạt hay không là tùy thuộc vào từng vụ án cụ thể.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 558. Nguyên tắc của ngành luật tố tụng dân sự:

A. Tất cả các vụ án dân sự đều xét xử công khai

B. Tất cả các vụ án dân sự đều phải được xử kín

C. Tất cả các vụ án dân sự đều xét xử công khai trừ một số trường hợp tòa án xử kín

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 559. Nguyên tắc của ngành luật tố tụng dân sự:

A. Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, các đương sự không có quyền khiếu nại, tố cáo

B. Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, các đương sự có quyền khiếu nại, tố cáo

C. Các đương sự chỉ được quyền khiếu nại, tố cáo khi tòa án cho phép **D.** Cả A, B và C đều sai

Câu 560. Nguyên tắc của ngành luật tố tụng dân sự:

A. Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh thuộc về tòa án.

B. Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh thuộc về đương sự.

C. Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh thuộc về tòa án và đương sự.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 561. Nguyên tắc của ngành luật tố tụng dân sự:

A. Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, các cơ quan, tổ chức không có nghĩa

Câu 568. Đương sự trong vụ án dân sự bao gồm:

- A.** Bị cáo
- B.** Bị can
- C.** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 569. Quyền khởi kiện vụ án dân sự thuộc về:

- A.** Bất kỳ cá nhân, tổ chức nào
- B.** Cá nhân, pháp nhân hoặc các chủ thể khác có quyền lợi bị xâm phạm.
- C.** Cả A và B đều đúng
- D.** Cả A và B đều sai

Câu 570. Quyền khởi kiện vụ án dân sự thuộc về:

- A.** Cá nhân, pháp nhân hoặc các chủ thể khác có quyền lợi bị xâm phạm.
- B.** TCXH được khởi kiện một số vụ án dân sự để bảo vệ lợi ích chung.
- C.** Cả A và B đều đúng
- D.** Cả A và B đều sai

Câu 571. Khi một vụ án dân sự không có ai khởi kiện, quyền khởi tố vụ án dân sự đó thuộc về:

- A.** Viện kiểm sát có quyền khởi tố để bảo vệ lợi ích chung.
- B.** Tòa có quyền khởi tố để bảo vệ lợi ích chung.
- C.** Cả A và B đều đúng
- D.** Cả A và B đều sai

Câu 572. Khi một vụ án dân sự không có ai khởi kiện, quyền khởi tố vụ án dân sự đó thuộc về:

- A.** Viện kiểm sát có quyền khởi tố để bảo vệ lợi ích chung.
- B.** Cơ quan công an có quyền khởi tố để bảo vệ lợi ích
- C.** Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 573. Khi một vụ án dân sự không có ai khởi kiện, quyền khởi tố vụ án dân sự đó thuộc về:

A. Tòa có quyền khởi tố để bảo vệ lợi ích chung.

B. Cơ quan công an có quyền khởi tố để bảo vệ lợi ích chung.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 574. Các vụ việc không được hòa giải trong vụ án dân sự:

A. Hủy kết hôn trái pháp luật; đòi bồi thường thiệt hại tài sản của nhà nước.

B. Những việc phát sinh từ giao dịch trái pháp luật; những việc xác định công dân mất tích hoặc đã chết.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 575. Các vụ việc không được hòa giải trong vụ án dân sự:

A. Những việc khiếu nại cơ quan hộ tịch; những việc khiếu nại danh sách cử tri.

B. Tranh chấp đất đai khi các bên đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 576. Trong vụ án dân sự, nếu hòa giải thành, sau 15 ngày mà các bên đương sự không có phản đối thì tòa án ra quyết định công nhận, quyết định này:

A. Có hiệu lực đối với các bên đương sự

B. Không có hiệu lực đối với các bên đương sự

C. Có thể có hiệu lực hoặc không có hiệu lực đối với các đương sự là tùy từng trường hợp cụ thể.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 577. Trong phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự:

A. Trong bất cứ trường hợp nào, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi các thành viên của hội đồng xét xử, kiểm sát viên, thư ký phiên tòa, người giám định, người phiên dịch;

B. Trong bất cứ trường hợp nào, các đương sự không có quyền yêu cầu thay đổi các thành viên của hội đồng xét xử, kiểm sát viên, thư ký phiên tòa, người giám định, người phiên dịch;

C. Trong những trường hợp nhất định theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi các thành viên của hội đồng xét xử, kiểm sát viên, thư

ký phiên tòa, người giám định, người phiên dịch

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 578. Trong vụ án dân sự, người được tòa án triệu tập để làm chứng hoặc cung cấp chứng cứ:

A. Người được triệu tập phải tuân thủ nghiêm chỉnh quyết định của tòa án

B. Người được triệu tập không phải tuân thủ quyết định của tòa án nếu thấy điều đó không có lợi cho mình

C. Người được triệu tập có thể từ chối việc triệu tập của tòa án trong mọi trường hợp

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 579. Trong việc nghị án vụ án dân sự:

A. Quyền quyết định bản án, quyết định thuộc về chủ tọa phiên tòa

B. Quyền quyết định bản án, quyết định thuộc về thẩm phán

C. Quyền quyết định bản án, quyết định thuộc về hội đồng xét xử (thẩm phán và hội thẩm nhân dân)

D. Quyền quyết định bản án, quyết định thuộc về hội thẩm nhân dân

Câu 580. Trong vụ án dân sự:

A. Tòa án và viện kiểm sát có quyền thực hiện các hoạt động điều tra để làm rõ những tình tiết của vụ án trong bất cứ vụ án nào nếu thấy cần thiết

B. Nghiêm cấm tòa án và viện kiểm sát thực hiện các hoạt động điều tra

C. Tòa án và viện kiểm sát có quyền thực hiện các hoạt động điều tra chỉ trong một số vụ án do pháp luật quy định để làm rõ những tình tiết của vụ án

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 581. Trong vụ án dân sự, sau khi tuyên án:

A. Chủ tọa phiên tòa có nghĩa vụ giải thích cho các đương sự quyền kháng cáo của họ.

B. Chủ tọa phiên tòa không có nghĩa vụ giải thích cho các đương sự quyền kháng cáo của họ.

C. Chủ tọa phiên tòa có nghĩa vụ giải thích cho các đương sự quyền kháng cáo của họ chỉ trong một số vụ án theo quy định của pháp luật.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 582. Bản án, quyết định của vụ án dân sự:

A. Được quyết định theo đa số tương đối (trên 50%)

B. Được quy định theo đa số tuyệt đối (trên 2/3)

C. Phải được tất cả các thành viên của hội đồng xét xử chấp thuận

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 583. Thủ tục phúc thẩm dân sự là thủ tục của tố tụng dân sự, trong đó tòa án cấp trên xét lại:

A. Các bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của tòa án cấp dưới bị kháng cáo, kháng nghị

B. Các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án cấp dưới bị kháng cáo, kháng nghị

C. Các bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật, đã có hiệu lực pháp luật của tòa án cấp dưới bị kháng cáo kháng nghị

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 584. Về phạm vi xét xử của phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự:

A. Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật

B. Tòa án cấp phúc thẩm xem xét những phần khác của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có nội dung liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

C. Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật

D. Cả A và B đều đúng

Câu 585. Người có quyền kháng cáo bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật theo thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự:

A. Các đương sự

B. Bất kỳ tổ chức, cá nhân nào nếu muốn

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 586. Người có quyền kháng cáo bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật theo thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự:

A. Người đại diện của đương sự

B. Bất kỳ tổ chức, cá nhân nào nếu muốn

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 587. Người có quyền kháng cáo bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật theo thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự:

- A. Các đương sự
- B. Người đại diện của đương sự
- C. TCXH khởi kiện vì lợi ích chung.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 588. Người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự:

- A. Tất cả tòa án các cấp và viện kiểm sát các cấp
- B. Viện kiểm sát cùng cấp hoặc trên một cấp với tòa án đã xét xử sơ thẩm
- C. Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 589. Trước và trong phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự:

- A. Người kháng cáo, kháng nghị có quyền sửa đổi nội dung kháng cáo, kháng nghị hoặc rút kháng cáo, kháng nghị.
- B. Người kháng cáo, kháng nghị không có quyền sửa đổi nội dung kháng cáo, kháng nghị hoặc rút kháng cáo, kháng nghị.
- C. Người kháng cáo, kháng nghị chỉ có quyền sửa đổi nội dung kháng cáo, kháng nghị hoặc rút kháng cáo, kháng nghị khi được hội đồng xét xử cho phép.
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 590. Khi giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, tòa án có quyền:

- A. Giữ nguyên bản án, quyết định
- B. Sửa bản án, quyết định
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 591. Khi giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, tòa án có quyền:

- A. Hủy bản án, quyết định để xét xử lại
- B. Tạm đình chỉ hoặc đình chỉ việc giải quyết vụ án
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 592. Hiệu lực của bản án, quyết định phúc thẩm của vụ án dân sự:

- A. Bản án, quyết định phúc thẩm là chung thẩm, có hiệu lực thi hành ngay.
- B. Bản án, quyết định phúc thẩm là chung thẩm, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày
- C. Bản án, quyết định phúc thẩm là chung thẩm, có hiệu lực thi hành sau 30 ngày
- D. Bản án, quyết định phúc thẩm là chung thẩm, có hiệu lực thi hành sau 60 ngày

- Câu 593.** Khi bản án, quyết định của phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự có hiệu lực:
- A. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật
 - B. Các đương sự không có quyền kháng cáo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật
 - C. Các đương sự chỉ có quyền kháng cáo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật khi tòa án đã xét xử phúc thẩm cho phép
 - D. Cả A, B và C đều sai

Câu 594. Đối tượng điều chỉnh của ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp), là những QHXX:

- A.** Liên quan đến nguồn gốc của quyền lực nhà nước, bản chất của nhà nước.
- B.** Liên quan đến nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan, các tổ chức, các cá nhân thực hiện quyền lực nhà nước.
- C.** Liên quan đến việc xác định mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, tức là quan hệ về quyền và nghĩa vụ giữa chúng với nhau, và mức độ tham gia của nhân dân vào việc tổ chức nhà nước.
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 595. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp):

- A. Phương pháp định nghĩa
- B.** Phương pháp bắt buộc
- C. Phương pháp quyền uy
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 596. Chủ thể của ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp):

- A.** Nhân dân, nhà nước, dân tộc, tập thể ưu tú, một nhóm người khó xác định, một đơn vị hành chính lãnh thổ, hay một cá nhân không có quốc tịch... - là những khái niệm chung nhất.
- B.** Những con người cụ thể
- C. Những cơ quan, tổ chức cụ thể
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 597. Nguồn của ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp):

- A.** Hiến pháp là nguồn duy nhất của ngành luật nhà nước
- B.** Ngoài Hiến pháp thì các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước cũng là nguồn của ngành luật nhà nước
- C.** Ngoài Hiến pháp và các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước thì các nghị quyết của ĐCS cũng là nguồn của ngành luật nhà nước

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 598. Đây là nguồn của ngành luật hành chính:

A. Các quy định của Hiến pháp điều chỉnh những QHXX mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

B. Các đạo luật điều chỉnh những QHXX mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

C. Các văn bản dưới luật điều chỉnh những QHXX mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 599. Đây là nguồn của ngành luật hành chính:

A. Các quy định của Hiến pháp điều chỉnh những QHXX mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

B. Các đạo luật điều chỉnh những QHXX mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 600. Đối tượng điều chỉnh của ngành luật hành chính:

A. Những QHXX mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

B. Những QHXX mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động xây dựng, tổ chức công tác nội bộ của các CQNN khác.

C. Những QHXX mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các CQNN khác hoặc các TCXH khi được nhà nước trao quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 601. Đối tượng điều chỉnh của ngành luật hành chính:

A. Những QHXX mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

B. Những QHXX mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động xây dựng, tổ chức công tác nội bộ của các CQNN khác.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 602. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật hành chính:

A. Phương pháp mệnh lệnh - phục tùng

B. Phương pháp quyền uy – phục tùng

C. Phương pháp bình đẳng, thỏa thuận

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 603. Chủ thể của ngành luật hành chính:

A. Mọi CQNN, những người có chức vụ cũng như mọi cán bộ, công chức, viên chức

B. TCXH, cơ quan xã hội

C. Công dân, người nước ngoài và người không quốc tịch

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 604. Chủ thể của ngành luật hành chính:

A. Mọi CQNN, những người có chức vụ cũng như mọi cán bộ, công chức, viên chức

B. Công dân, người nước ngoài và người không quốc tịch

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 605. Chủ thể của ngành luật hành chính:

A. Mọi CQNN, những người có chức vụ cũng như mọi cán bộ, công chức, viên chức

B. TCXH, cơ quan xã hội

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 606. Tính chất của phương pháp mệnh lệnh – phục tùng trong ngành luật hành chính:

A. Hoạt động quản lý, hoạt động chấp hành - điều hành mang bản chất là tính quyền uy.

B. Các bên tham gia quan hệ có địa vị không bình đẳng với nhau về ý chí: một bên đưa ra lệnh, bên kia phải phục tùng.

C. Bảo đảm sự bình đẳng, quyền tự định đoạt về mặt pháp lý giữa các chủ thể. Truy cứu trách nhiệm tài sản của những người có hành vi gây thiệt hại cho người.

D. Cả A và B đều đúng

Câu 607. Tính chất của phương pháp mệnh lệnh – phục tùng trong ngành luật hành chính:

A. Hoạt động quản lý, hoạt động chấp hành - điều hành mang bản chất là tính quyền uy.

B. Các bên tham gia quan hệ có địa vị không bình đẳng với nhau về ý chí: một bên đưa ra lệnh, bên kia phải phục tùng.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 608. Tính chất của phương pháp mệnh lệnh – phục tùng trong ngành luật hành chính:

A. Hoạt động quản lý, hoạt động chấp hành - điều hành mang bản chất là tính quyền uy.

B. Bảo đảm sự bình đẳng, quyền tự định đoạt về mặt pháp lý giữa các chủ thể. Truy cứu trách nhiệm tài sản của những người có hành vi gây thiệt hại cho người.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 609. Tính chất của phương pháp mệnh lệnh – phục tùng trong ngành luật hành chính:

A. Các bên tham gia quan hệ có địa vị không bình đẳng với nhau về ý chí: một bên đưa ra lệnh, bên kia phải phục tùng.

B. Bảo đảm sự bình đẳng, quyền tự định đoạt về mặt pháp lý giữa các chủ thể. Truy cứu trách nhiệm tài sản của những người có hành vi gây thiệt hại cho người.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 610. Tính chất của phương pháp bình đẳng thỏa thuận trong ngành luật dân sự:

A. Hoạt động quản lý, hoạt động chấp hành - điều hành mang bản chất là tính quyền uy.

B. Các bên tham gia quan hệ có địa vị không bình đẳng với nhau về ý chí: một bên đưa ra lệnh, bên kia phải phục tùng.

C. Bảo đảm sự bình đẳng, quyền tự định đoạt về mặt pháp lý giữa các chủ thể. Truy cứu trách nhiệm tài sản của những người có hành vi gây thiệt hại cho người.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 611. Chủ thể quản lý nhà nước:

A. Mọi CQNN, những người có chức vụ cũng như mọi cán bộ, công chức, viên

chức

B. TCXH, cơ quan xã hội

C. Công dân, người nước ngoài và người không quốc tịch

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 612. Chủ thể quản lý nhà nước:

A. Mọi CQNN, những người có chức vụ cũng như mọi cán bộ, công chức, viên chức

B. TCXH, cơ quan xã hội

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 613. Chủ thể quản lý nhà nước:

A. TCXH, cơ quan xã hội

B. Công dân, người nước ngoài và người không quốc tịch

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 614. Về xử lý vi phạm hành chính, khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện vi phạm hành chính trong mọi trường hợp

B. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện vi phạm hành chính nếu có giá trị trên 1.000.000đ

C. Không tịch thu tang vật, phương tiện bị cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chiếm đoạt, mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 615. Nhận định nào sau đây là đúng:

A. Khiếu kiện của công dân, tổ chức, cơ quan đối với các hành vi hành chính, các quyết định hành chính được giải quyết theo con đường hành chính bởi chính các cơ quan hành chính là không độc lập và không khách quan

B. Khiếu kiện của công dân, tổ chức, cơ quan đối với các hành vi hành chính, các quyết định hành chính được giải quyết theo con đường hành chính bởi chính các cơ quan hành chính là công bằng, độc lập và khách quan

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 616. Khiếu kiện của công dân, tổ chức, cơ quan đối với các hành vi hành chính, các quyết định hành chính được giải quyết theo con đường hành chính bởi chính các cơ quan hành chính là không độc lập và không khách quan, bởi vì:

A. Các cơ quan giải quyết khiếu kiện hành chính đều thuộc hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước

B. Các cơ quan giải quyết khiếu kiện hành chính đồng thời là người thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước

C. Các cơ quan giải quyết khiếu kiện hành chính đồng thời là người ban hành các quyết định hành chính (văn bản) quản lý hành chính nhà nước

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 617. Khiếu kiện của công dân, tổ chức, cơ quan đối với các hành vi hành chính, các quyết định hành chính được giải quyết theo con đường hành chính bởi chính các cơ quan hành chính là không độc lập và không khách quan, bởi vì:

A. Các cơ quan giải quyết khiếu kiện hành chính đều thuộc hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước

B. Các cơ quan giải quyết khiếu kiện hành chính đồng thời là người thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 618. Khiếu kiện của công dân, tổ chức, cơ quan đối với các hành vi hành chính, các quyết định hành chính có thể được giải quyết theo con đường:

A. Hành chính bởi chính các cơ quan hành chính

B. Khởi kiện ra tòa án hành chính

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 619. Khiếu kiện của công dân, tổ chức, cơ quan đối với các hành vi hành chính, các quyết định hành chính được giải quyết theo con đường khởi kiện ra tòa án hành chính là đảm bảo tính độc lập, khách quan trong việc xét xử, bởi vì:

A. Tòa án nói chung và tòa hành chính nói riêng hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

B. Việc giải quyết các khiếu kiện của công dân, tổ chức, cơ quan đối với các hành vi hành chính, các quyết định hành chính tại các cơ quan hành chính là không khách quan.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 620. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Đương sự có thể khởi kiện vụ án hành chính một cách trực tiếp mà không cần phải thông qua thủ tục khiếu nại hành chính

B. Đương sự có chỉ thể khởi kiện vụ án hành chính khi đã thực hiện thủ tục khiếu nại hành chính mà không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại hành chính

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 621. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Chỉ có ngành luật hình sự mới quy định tội phạm và hình phạt

B. Chỉ có ngành luật tố tụng hình sự mới quy định tội phạm và hình phạt

C. Cả ngành luật hình sự và ngành luật tố tụng hình sự đều quy định tội phạm và hình phạt

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 622. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Quốc hội có thẩm quyền quy định tội phạm và hình phạt trong Bộ luật hình sự

B. Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền quy định tội phạm và hình phạt

C. Chính phủ có thẩm quyền quy định tội phạm và hình phạt

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 623. Đối tượng điều chỉnh của ngành luật hình sự:

A. Những QHXXH phát sinh giữa nhà nước và người phạm tội khi người này thực hiện một hành vi mà nhà nước quy định là tội phạm.

B. Những QHXXH phát sinh giữa nhà nước với tất cả các cá nhân công dân, người nước ngoài, người không quốc tịch

C. Những QHXXH phát sinh giữa nhà nước với tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân công dân, người nước ngoài, người không quốc tịch

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 624. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật hình sự:

A. Phương pháp quyền uy – phục tùng

B. Phương pháp bình đẳng thỏa thuận

C. Kết hợp phương pháp quyền uy và phương pháp bình đẳng thỏa thuận

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 625. Nguồn của ngành luật hình sự :

A. Bộ luật hình sự là nguồn duy nhất của ngành luật hình sự

B. Ngoài Bộ luật hình sự thì các đạo luật khác cũng là nguồn của ngành luật hình sự

C. Ngoài Bộ luật hình sự và các đạo luật thì các văn bản dưới luật cũng là nguồn của ngành luật hình sự

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 626. Chủ thể của ngành luật hình sự:

A. Nhà nước và người phạm tội khi người này thực hiện một hành vi mà nhà nước quy định là tội phạm.

B. Nhà nước và tất cả các cá nhân công dân, người nước ngoài, người không quốc tịch

C. Nhà nước và tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân công dân, người nước ngoài, người không quốc tịch

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 627. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Trách nhiệm hình sự chỉ áp dụng đối với cá nhân thực hiện hành vi phạm tội

B. Trách nhiệm hình sự chỉ áp dụng đối với tổ chức thực hiện hành vi phạm tội

C. Trách nhiệm hình sự vừa áp dụng đối với cá nhân, vừa áp dụng đối với tổ chức có hành vi phạm tội

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 628. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Trách nhiệm hình sự là trách nhiệm thuộc về cá nhân người phạm tội, phải do chính họ gánh chịu một cách trực tiếp, chứ không thể chuyển hay ủy thác cho người khác.

B. Trách nhiệm hình sự là trách nhiệm thuộc về cá nhân người phạm tội, họ có thể chuyển hay ủy thác cho người khác thực hiện

C. Trách nhiệm hình sự là trách nhiệm thuộc về cá nhân người phạm tội, họ có thể chuyển hay ủy thác cho người khác thực hiện khi được tòa án đã xét xử cho phép.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 629. Những dấu hiệu cơ bản của tội phạm:

A. Là hành vi; Tính nguy hiểm cho xã hội; Tính phải chịu hình phạt

B. Tính có lỗi của tội phạm; Tính trái pháp luật hình sự

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 630. Tội phạm hình sự được chia thành:

A. 3 loại

B. 4 loại

C. 5 loại

D. 6 loại

Câu 631. Tội phạm hình sự được chia thành:

A. Tội phạm nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

B. Tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng

C. Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng

D. Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

Câu 632. Khung hình phạt tương ứng với các mức độ phạm tội:

A. Tội phạm ít nghiêm trọng có khung hình phạt nhỏ hơn hoặc bằng 3 năm

B. Tội phạm nghiêm trọng có khung hình phạt nhỏ hơn hoặc bằng 3 năm

C. Tội phạm rất nghiêm trọng có khung hình phạt nhỏ hơn hoặc bằng 3 năm

D. Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có khung hình phạt nhỏ hơn hoặc bằng 3 năm

Câu 633. Khung hình phạt tương ứng với các mức độ phạm tội:

A. Tội phạm ít nghiêm trọng có khung hình phạt nhỏ hơn hoặc bằng 7 năm

B. Tội phạm nghiêm trọng có khung hình phạt nhỏ hơn hoặc bằng 7 năm

C. Tội phạm rất nghiêm trọng có khung hình phạt nhỏ hơn hoặc bằng 7 năm

D. Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có khung hình phạt nhỏ hơn hoặc bằng 7 năm

Câu 634. Khung hình phạt tương ứng với các mức độ phạm tội:

A. Tội phạm ít nghiêm trọng có khung hình phạt nhỏ hơn hoặc bằng 15 năm

B. Tội phạm nghiêm trọng có khung hình phạt nhỏ hơn hoặc bằng 15 năm

C. Tội phạm rất nghiêm trọng có khung hình phạt nhỏ hơn hoặc bằng 15 năm

D. Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có khung hình phạt nhỏ hơn hoặc bằng 15 năm

Câu 635. Khung hình phạt tương ứng với các mức độ phạm tội:

A. Tội phạm ít nghiêm trọng có khung hình phạt trên 15 năm tù, chung thân hoặc tử hình

B. Tội phạm nghiêm trọng có khung hình phạt trên 15 năm tù, chung thân hoặc tử hình

C. Tội phạm rất nghiêm trọng có khung hình phạt trên 15 năm tù, chung thân hoặc tử hình

D. Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có khung hình phạt trên 15 năm tù, chung thân hoặc tử hình

Câu 636. Trong trách nhiệm hình sự, xét về độ tuổi:

- A.** Người từ đủ 12 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm
- B.** Người từ đủ 14 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm
- C.** Người từ đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm
- D.** Người từ đủ 18 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm

Câu 637. Trong trách nhiệm hình sự, xét về độ tuổi:

- A. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng
- B. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng
- C. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 638. Hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi phạm tội:

- A.** 12 năm
- B.** 20 năm
- C.** Tù chung thân
- D.** Tử hình

Câu 639. Hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi phạm tội:

- A.** 20 năm
- B.** Tù chung thân
- C.** Tử hình
- D.** Cả A, B và C đều sai

Câu 640. Hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội:

- A.** 18 năm
- B.** 20 năm
- C.** Tù chung thân
- D.** Tử hình

Câu 641. Hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội:

- A.** 20 năm
- B.** Tù chung thân
- C.** Tử hình
- D.** Cả A, B và C đều sai

Câu 642. Không áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ:

- E. Có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử
- F. Có thai hoặc đang nuôi con dưới 24 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử
- G. Có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử
- H. Có thai hoặc đang nuôi con dưới 48 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử

Câu 643. Không thi hành án tử hình đối với phụ nữ:

A. Có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi

B. Có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 24 tháng tuổi

C. Có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi

D. Có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 48 tháng tuổi

Câu 644. Căn cứ vào nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, án treo có thể được áp dụng đối với người phạm tội bị xử phạt tù:

A. Không quá 1 năm

B. Không quá 2 năm

C. Không quá 3 năm

D. Không quá 4 năm

Câu 645. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Trách nhiệm hình sự là dạng trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất, bởi phương tiện để thực hiện trách nhiệm hình sự là hình phạt.

B. Trách nhiệm hành chính là dạng trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất.

C. Trách nhiệm dân sự là dạng trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất.

D. Trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm vật chất là dạng trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất.

Câu 646. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Chỉ có tòa án mới có quyền áp dụng hình phạt đối với người phạm tội

B. Ngoài tòa án thì Chính phủ cũng có quyền áp dụng hình phạt đối với người phạm tội

C. Ngoài tòa án, Chính phủ thì viện kiểm sát cũng có quyền áp dụng hình phạt đối với người phạm tội

D. Ngoài tòa án, Chính phủ, viện kiểm sát thì Quốc hội cũng có quyền áp dụng hình phạt đối với người phạm tội

Câu 647. Quá trình tố tụng hình sự có thể được chia thành:

A. 4 giai đoạn

B. 5 giai đoạn

C. 6 giai đoạn

D. 7 giai đoạn

Câu 648. Đối tượng điều chỉnh của ngành luật tố tụng hình sự:

A. Những QHXX phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự giữa các chủ thể của QHPL tố tụng hình sự.

B. Những QHXX phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự giữa các chủ thể của QHPL tố tụng hình sự.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 649. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật tố tụng hình sự:

A. Phương pháp quyền uy và phối hợp, chế ước lẫn nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng để điều chỉnh các QHPL tố tụng hình sự.

B. Phương pháp bình đẳng thỏa thuận giữa các cơ quan tiến hành tố tụng để điều chỉnh các QHPL tố tụng hình sự

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 650. Nguồn của ngành luật tố tụng hình sự:

A. Bộ luật tố tụng hình sự là nguồn duy nhất của ngành luật tố tụng hình sự

B. Ngoài Bộ luật tố tụng hình sự thì các đạo luật khác cũng là nguồn của ngành luật tố tụng hình sự

C. Ngoài Bộ luật tố tụng hình sự và các đạo luật thì các văn bản dưới luật cũng là nguồn của ngành luật tố tụng hình sự

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 651. Chủ thể của ngành luật tố tụng hình sự:

A. Cơ quan tiến hành tố tụng

B. Người tiến hành tố tụng

C. Người tham gia tố tụng

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 652. Nguyên tắc của ngành luật tố tụng hình sự:

A. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân

B. Cơ quan tiến hành tố tụng có quyền xâm phạm thân thể của công dân

C. Cơ quan tiến hành tố tụng có quyền xâm phạm thân thể của công dân trong những trường hợp được pháp luật cho phép

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 653. Nguyên tắc của ngành luật tố tụng hình sự:

A. Bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

B. Cơ quan tiến hành tố tụng không có nghĩa vụ phải bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

C. Cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ phải bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong một số trường hợp được pháp luật quy định.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 654. Nguyên tắc của ngành luật tố tụng hình sự:

A. Bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự.

B. Cơ quan tiến hành tố tụng không có nghĩa vụ phải bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự.

C. Cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ phải bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự chỉ trong một số trường hợp được pháp luật quy định.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 655. Nguyên tắc của ngành luật tố tụng hình sự:

A. Bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự gây ra.

B. Các cơ quan tiến hành tố tụng không có nghĩa vụ phải bồi thường cho người bị thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự gây ra.

C. Các cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ phải bồi thường cho người bị thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự gây ra chỉ trong một số trường hợp do pháp luật quy định.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 656. Nguyên tắc của ngành luật tố tụng hình sự:

E. Tòa án xét xử tập thể, có Hội thẩm tham gia

F. Tòa án không phải xét xử tập thể và không cần có sự tham gia của Hội thẩm

G. Tòa án chỉ xét xử tập thể và có sự tham gia của Hội thẩm trong một số trường hợp được pháp luật quy định.

H. Cả A, B và C đều sai

Câu 657. Các cơ quan tiến hành tố tụng trong tố tụng hình sự:

A. Cơ quan điều tra

B. Viện kiểm sát

C. Tòa án

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 658. Người tiến hành tố tụng trong tố tụng hình sự:

A. Thư ký phiên tòa là người tiến hành tố tụng

B. Thư ký phiên tòa không phải là người tiến hành tố tụng

C. Thư ký phiên tòa có thể là người tiến hành tố tụng, có thể không phải là người tiến hành tố tụng tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 659. Người tiến hành tố tụng trong tố tụng hình sự:

A. Hội thẩm nhân dân là người tiến hành tố tụng

B. Hội thẩm nhân dân không phải là người tiến hành tố tụng

C. Hội thẩm nhân dân có thể là người tiến hành tố tụng, có thể không phải là người tiến hành tố tụng tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 660. Bị can:

- A. Bị can là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang và đã có quyết định tạm giữ nhưng chưa bị khởi tố với tư cách bị can.
- B. Bị can là người đã thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm và đã có quyết định của người có thẩm quyền khởi tố với tư cách bị can
- C. Bị can là người đã có quyết định đưa ra xét xử tại tòa án
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 661. Bị cáo:

- A.** Bị cáo là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang và đã có quyết định tạm giữ nhưng chưa bị khởi tố với tư cách bị can.
- B.** Bị cáo là người đã thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm và đã có quyết định của người có thẩm quyền khởi tố với tư cách bị can
- C.** Bị cáo là người đã có quyết định đưa ra xét xử tại tòa án
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 662. Khi tham gia tố tụng, bị can, bị cáo có quyền:

- A.** Được biết khởi tố về tội gì
- B.** Nhận bản quyết định khởi tố và được giải thích các quyền và nghĩa vụ
- C.** Nhận bản sao quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 663. Khi tham gia tố tụng, bị can, bị cáo có quyền:

- A.** Đưa ra các chứng cứ và yêu cầu
- B.** Khiếu nại các quyết định của cơ quan điều tra, viện kiểm sát
- C.** Xin thay đổi người tiến hành tố tụng
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 664. Khi tham gia tố tụng, bị can, bị cáo có quyền:

- A. Tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa
- B. Nhận bản kết luận điều tra, cáo trạng
- C. Được thông báo về nội dung quyết định giám định
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 665. Khi tham gia tố tụng, bị can, bị cáo có quyền:

- A.** Nhận quyết định đưa ra xét xử chậm nhất là mười ngày trước khi xét xử
- B.** Tham gia phiên tòa
- C.** Nói lời sau cùng tại phiên tòa và kháng cáo đối với bản án sơ thẩm của tòa án
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 666. Khi tham gia tố tụng, bị can, bị cáo có nghĩa vụ:

- A.** Phải có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng
- B.** Không sử dụng các biện pháp bào chữa trái pháp luật; Tuân thủ kỷ luật tại phiên tòa
- C.** Chấp hành các biện pháp ngăn chặn mà cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 667. Người bị tạm giữ:

- A.** Là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang và đã có quyết định tạm giữ nhưng chưa bị khởi tố với tư cách bị can.
- B.** Là người đã thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm và đã có quyết định của người có thẩm quyền khởi tố với tư cách bị can
- C.** Là người đã có quyết định đưa ra xét xử tại tòa án
- D.** Cả A, B và C đều đúng

Câu 668. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A.** Tất cả các vụ án hình sự đều phải trải qua hai phiên tòa là sơ thẩm và phúc thẩm
- B.** Tất cả các vụ án hình sự chỉ phải trải qua phiên tòa sơ thẩm
- C.** Vụ án hình sự có thể chỉ trải qua phiên tòa sơ thẩm, tùy từng trường hợp mà phải trải qua phiên tòa phúc thẩm
- D.** Cả A, B và C đều sai

Câu 669. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A.** Tất cả các vụ án hình sự đều phải trải qua thủ tục giám đốc thẩm
- B.** Tất cả các vụ án hình sự không phải trải qua thủ tục giám đốc thẩm
- C.** Tất cả các vụ án hình sự có thể phải trải qua thủ tục giám đốc thẩm hoặc có thể không phải trải qua thủ tục giám đốc thẩm tùy theo từng trường hợp do pháp luật quy định
- D.** Cả A, B và C đều sai

Câu 670. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Tất cả các vụ án hình sự đều phải trải qua thủ tục tái thẩm
D. Cả A, B và C đều sai

B. Tất cả các vụ án hình sự không phải trải qua thủ tục tái thẩm

C. Tất cả các vụ án hình sự có thể phải trải qua thủ tục tái thẩm hoặc có thể không phải trải qua thủ tục tái thẩm tùy theo từng trường hợp do pháp luật quy định

Câu 671. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thuộc về:

A. Tòa án nhân dân huyện, tòa án quân sự khu vực đối với những vụ án mà Bộ luật hình sự quy định từ 7 năm tù trở xuống trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền của tòa án cấp trên.

B. Tòa án nhân dân huyện, tòa án quân sự khu vực đối với những vụ án mà Bộ luật hình sự quy định từ 15 năm tù trở xuống trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền của tòa án cấp trên.

C. Tòa án nhân dân huyện, tòa án quân sự khu vực đối với những vụ án mà Bộ luật hình sự quy định từ 20 năm tù trở xuống trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền của tòa án cấp trên.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 672. Thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thuộc về:

A. Tòa án nhân dân cấp huyện

B. Tòa án nhân dân cấp tỉnh

C. Tòa án nhân dân tối cao

D. Cả B và C đều đúng

Câu 673. Quyền kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thuộc về:

A. Bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

B. Người làm chứng; Người phiên dịch; Người giám định

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 674. Quyền kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thuộc về:

A. Bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

B. Người làm chứng;

C. Người phiên dịch; Người giám định

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 675. Thời hạn kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự:

A. 15 ngày kể từ ngày tuyên án

B. 20 ngày kể từ ngày tuyên án

C. 30 ngày kể từ ngày tuyên án

D. 45 ngày kể từ ngày tuyên án

Câu 676. Quyền kháng nghị yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thuộc về:

A. Viện kiểm sát cùng cấp với tòa sơ thẩm

B. Viện kiểm sát cấp trên

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 677. Thời hạn kháng nghị yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự:

A. Của viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của viện kiểm sát cấp trên là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

B. Của viện kiểm sát cùng cấp là 30 ngày, của viện kiểm sát cấp trên là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

C. Của viện kiểm sát cùng cấp là 45 ngày, của viện kiểm sát cấp trên là 60 ngày kể từ ngày tuyên án.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 678. Thẩm quyền của tòa án phúc thẩm:

A. Bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm; Sửa bản án, quyết định sơ thẩm

B. Hủy bản án, quyết định sơ thẩm để điều tra hoặc xét xử lại; Hủy án sơ thẩm và đình chỉ vụ án

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 679. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 20 tháng 6 năm 2008, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố các luật đã được thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XII.

A. Lệnh

B. Quyết định

C. Luật

D. Nghị quyết

Câu 680. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 20 tháng 6 năm 2008, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố các luật đã được thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XII.

A. Lệnh

B. Quyết định

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 681. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 20 tháng 6 năm 2008, Chủ tịch nước CHXHCN Việt

Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố các luật đã được thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XII.

A. Nghị quyết

B. Quyết định

C. Luật

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 682. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 25 tháng 8 năm 2007, Chủ tịch nước CHXHCN Việt

Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố việc đặc xá cho phạm nhân đợt hai năm 2007.

A. Lệnh

B. Chỉ thị

C. Quyết định

D. Nghị quyết

Câu 683. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 25 tháng 8 năm 2007, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố việc đặc xá cho phạm nhân đợt hai năm 2007.

A. Lệnh

B. Chỉ thị

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 684. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 25 tháng 8 năm 2007, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố việc..... cho phạm nhân đợt hai năm 2007.

A. Lệnh đại xá

B. Chỉ thị.....đặc xá

C. Quyết định.....đặc xá

D. Quyết định.....đại xá

Câu 685. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 25 tháng 8 năm 2007, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố việc

..... cho phạm nhân đợt hai năm 2007.

A. Lệnh.....đặc xá

B. Quyết định đại xá

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 686. Việc khách hàng khiếu nại ngân hàng thương mại là thuộc loại khiếu nại:

A. Dân sự

B. Hành chính

C. Lao động

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 687. Việc khách hàng là cá nhân (vay tiền ngân hàng với mục đích sinh hoạt, tiêu dùng) khởi kiện ngân hàng thương mại lên tòa án. Đây là vụ án.....

A. Dân sự
chính

B. Kinh tế
D. Lao động

C. Hành

Câu 688. Việc khách hàng là cá nhân có đăng ký kinh doanh (vay tiền ngân hàng với mục đích kinh doanh) khởi kiện ngân hàng thương mại lên tòa án. Đây là vụ án.....

A. Dân sự
chính

B. Kinh tế
D. Lao động

C. Hành

Câu 689. Việc khách hàng là doanh nghiệp (vay tiền ngân hàng với mục đích kinh doanh) khởi kiện ngân hàng thương mại lên tòa án. Đây là vụ án.....

A. Dân sự

B. Kinh tế

C. Hành chính

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 690. Ngày 23/02/2008, Thủ tướng Chính phủ ban hành

..... 02/2008/.....-TTg về tăng cường công tác phòng chống bão lũ năm 2008.

A. Quyết định QĐ

B. Chỉ thị CT

C. Thông tư TT

D. Nghị quyết NQ

Câu 691. Hành vi vi phạm pháp luật:

A. Không bao giờ vi phạm đạo đức

B. Có thể bao gồm cả vi phạm đạo đức

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 692. Hành vi vi phạm đạo đức:

A. Không bao giờ vi phạm pháp luật

B. Có thể bao gồm cả vi phạm pháp luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 693. Hành vi vi phạm tôn giáo:

A. Không bao giờ vi phạm pháp luật

B. Có thể bao gồm cả vi phạm pháp luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 694. Hành vi vi phạm pháp luật:

A. Không bao giờ vi phạm tôn giáo

B. Có thể bao gồm cả vi phạm tôn giáo

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 695. Hành vi vi phạm tập quán:

A. Không bao giờ vi phạm pháp luật

B. Có thể bao gồm cả vi phạm pháp luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 695. Các vụ án hình sự:

A. Không bao giờ liên quan đến phần dân sự

B. Đa số liên quan đến phần dân sự

C. Luôn liên quan đến phần dân sự

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 696. Hành vi vi phạm pháp luật :

A. Không bao giờ vi phạm tập quán

B. Có thể bao gồm cả vi phạm tập quán

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 697. Hành vi vi phạm pháp luật:

A. Không bao giờ vi phạm quy tắc của các tổ chức xã hội

C. Cả A và B đều đúng

B. Có thể bao gồm cả vi phạm quy tắc của các tổ chức xã hội

D. Cả A và B đều sai

Câu 698. Hành vi vi phạm quy tắc của các tổ chức xã hội:

A. Không bao giờ vi phạm pháp luật

B. Có thể bao gồm cả vi phạm pháp luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 699. Người lập di chúc chưa chết thì có thể hủy bỏ di chúc do mình lập ra hay không, nếu nó đã được trao cho người thừa kế:

A. Có thể hủy bỏ thuận được với nhau

C. Có thể hủy bỏ nếu những người thừa kế thỏa

B. Không thể hủy bỏ thẩm quyền cho phép

D. Có thể hủy bỏ nếu được cơ quan nhà nước có

Câu 700. Các vụ án hình sự:

A. Không bao giờ liên quan đến phần dân sự

B. Có thể liên quan đến phần dân sự

C. Luôn liên quan đến phần dân sự

D. Cả A, B và C đều sai